

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thùy Dương
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HIỀN HẠNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thùy Dương
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thùy Dương

Mã SV: 1412401191

Lớp: QT1801K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần phát triển thương mại
Hiền Hạnh.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
1.1. Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu	4
1.3. Nguyên tắc doanh thu	4
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	6
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ	6
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	11
1.6. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.....	15
1.6.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	15
1.6.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	17
1.7. Kế toán doanh thu, chi phí và hoạt động tài chính	19
1.7.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	19
1.7.2. Kế toán chi phí tài chính	21
1.8. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác	22
1.8.1. Kế toán thu nhập khác.....	22
1.8.2. Kế toán chi phí khác	24
1.9. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	25
1.10. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	27
1.10.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	27
1.10.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ.....	28
1.10.3. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái	29
1.10.4. Hình thức nhật ký chứng từ ghi sổ.....	30
1.10.5. Hình thức kế toán máy.....	31

CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HIỀN HẠNH	32
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	32
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.	32
2.1.2. Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.	32
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.	32
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần và phát triển thương mại Hiền Hạnh.....	33
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh.	33
2.1.4.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh.....	35
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.	36
2.2.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.	36
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	36
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán	40
2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	45
2.2.2. Kế toán doanh thu và chi phí khác trong Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh	54
2.2.3. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh	54
2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.....	58
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HIỀN HẠNH	68

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty cổ phần phát triển thương mại hiền hạnh.....	68
3.1.1. Ưu điểm.....	68
3.1.2. Hạn chế.....	68
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	69
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	69
3.4. Nội dung hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.....	69
3.4.1. Kiến nghị 1: Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán	69
3.4.2. Kiến nghị 2: Mở sổ kế toán chi tiết doanh thu, chi phí phục vụ xác định kết quả kinh doanh theo từng mặt hàng.....	71
3.4.3. Kiến nghị 3: Chiết khấu thanh toán	77
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.	78
3.5.1. Về phía Nhà nước.....	78
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	78
KẾT LUẬN	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO	80

LỜI MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết nghiên cứu đề tài

Lợi nhuận luôn là chỉ tiêu mà các doanh nghiệp quan tâm, nó cho biết hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả không và hiệu quả đến mức nào. Để đạt lợi nhuận cao thì công ty chỉ chú trọng vào tăng doanh thu mà còn phải kiểm soát chặt chẽ chi phí, phải tính toán chính xác kết quả kinh doanh. Bởi vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là vô cùng quan trọng. Nó ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả cuối cùng mà công ty đạt được. Vì thế, việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh là hết sức cần thiết. Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh, em đã có dịp được tìm hiểu thực tế và biết rõ hơn về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng như tầm quan trọng của nó đối với việc nâng cao lợi nhuận.

Chính vì nắm được tầm quan trọng của công việc ấy, và được sự chấp thuận của Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh, vận dụng kiến thức 4 năm ngồi trên ghế nhà trường cùng với sự giúp đỡ của cô giáo Trần Thị Thanh Thảo, em đã chọn đề tài “ **Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh**” làm đề tài tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu đề tài

❖ Khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

❖ Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.

❖ Đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

❖ Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

❖ Phạm vi nghiên cứu: Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.

4. Phương pháp nghiên cứu

- ❖ Các phương pháp kế toán
- ❖ Phương pháp thống kê so sánh

5. Kết cấu khóa luận

Khóa luận gồm có 3 chương (Ngoài phần mở đầu và kết luận)

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC
DOANH NGHIỆP****1.1. Nội dung các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

❖ *Bán hàng*: là hoạt động thực hiện trao đổi sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp chuyên cho khách hàng và khách hàng đồng ý hoặc chấp nhận thanh toán cho doanh nghiệp.

❖ *Sản phẩm sản xuất*: là sản phẩm mà doanh nghiệp tự sản xuất ra để phục vụ cho chính doanh nghiệp hoặc để trao đổi với doanh nghiệp khác trong thương mại.

❖ *Sản phẩm tiêu thụ*: đây là quá trình thực hiện mục đích sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất đến nơi có nhu cầu tiêu thụ. Nó là khâu lưu thông hàng hóa, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên tiêu dùng.

❖ *Doanh thu*: là tổng giá trị và lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

❖ *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các nghiệp vụ và giao dịch phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán,.. trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ *Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

➤ Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động:

❖ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

❖ Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích kiếm lợi nhuận.

❖ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

➤ Kết quả hoạt động kinh doanh: là kết quả của hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các hoạt động tài chính được biểu hiện qua các chỉ tiêu lợi nhuận về hoạt động kinh doanh.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

- ❖ *Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng*
 - ❖ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
 - ❖ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc người kiểm soát hàng hóa.
 - ❖ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - ❖ Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu các lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
 - ❖ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Khi đã đồng thời thoả mãn cả 5 tiêu chuẩn trên thì doanh thu bán hàng được ghi nhận.
- ❖ *Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ*
 - ❖ Doanh thu thu được tương đối chắc chắn.
 - ❖ Doanh nghiệp có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
 - ❖ Doanh nghiệp xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày tiến hành lập bảng cân đối kế toán.
 - ❖ Doanh nghiệp xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí đề hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện nêu trên.

❖ *Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia*

- ❖ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- ❖ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 2 điều kiện.

1.3. Nguyên tắc doanh thu

❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

cho khách hàng, bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm bên ngoài giá bán (nếu có)

❖ Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của các nghiệp vụ phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân thị trường liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

❖ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

❖ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán. Cuối kỳ thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được trừ ra khỏi doanh thu bán hàng.

❖ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế XK thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm, hàng hóa, giá cung cấp dịch vụ (bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK)

❖ Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

❖ Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

❖ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả ngay và ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với từng thời điểm xác định doanh thu trong thời gian trả lãi.

❖ Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho năm cho thuê tài sản.

❖ Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên tài khoản 5114.

❖ *Không hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các trường hợp sau:*

❖ Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên gia công, chế biến.

❖ Trị giá sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên trong một công ty, tổng công ty hạch toán ngành (sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ tiêu thụ nội bộ).

❖ Số tiền thu được về từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

❖ Trị giá sản phẩm, hàng hóa đang gửi đi bán, dịch vụ hoàn thành và cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được sự chấp nhận thanh toán của người mua.

❖ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán hàng đại lý, ký gửi (chưa được xác nhận là tiêu thụ).

❖ Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu: phản ánh và ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh của các loại hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ bán ra đồng thời tính toán, hạch toán chính xác, riêng biệt từng loại doanh thu.

❖ Nhiệm vụ của kế toán chi phí: phản ánh và ghi chép các chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp.

❖ Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh: tổng hợp doanh thu, chi phí nhằm tính toán ra kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện đóng các khoản thuế cho Nhà nước.

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Chứng từ sử dụng

❖ Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.

❖ Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, hàng hóa gửi đi bán đã tiêu thụ.

❖ Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng.

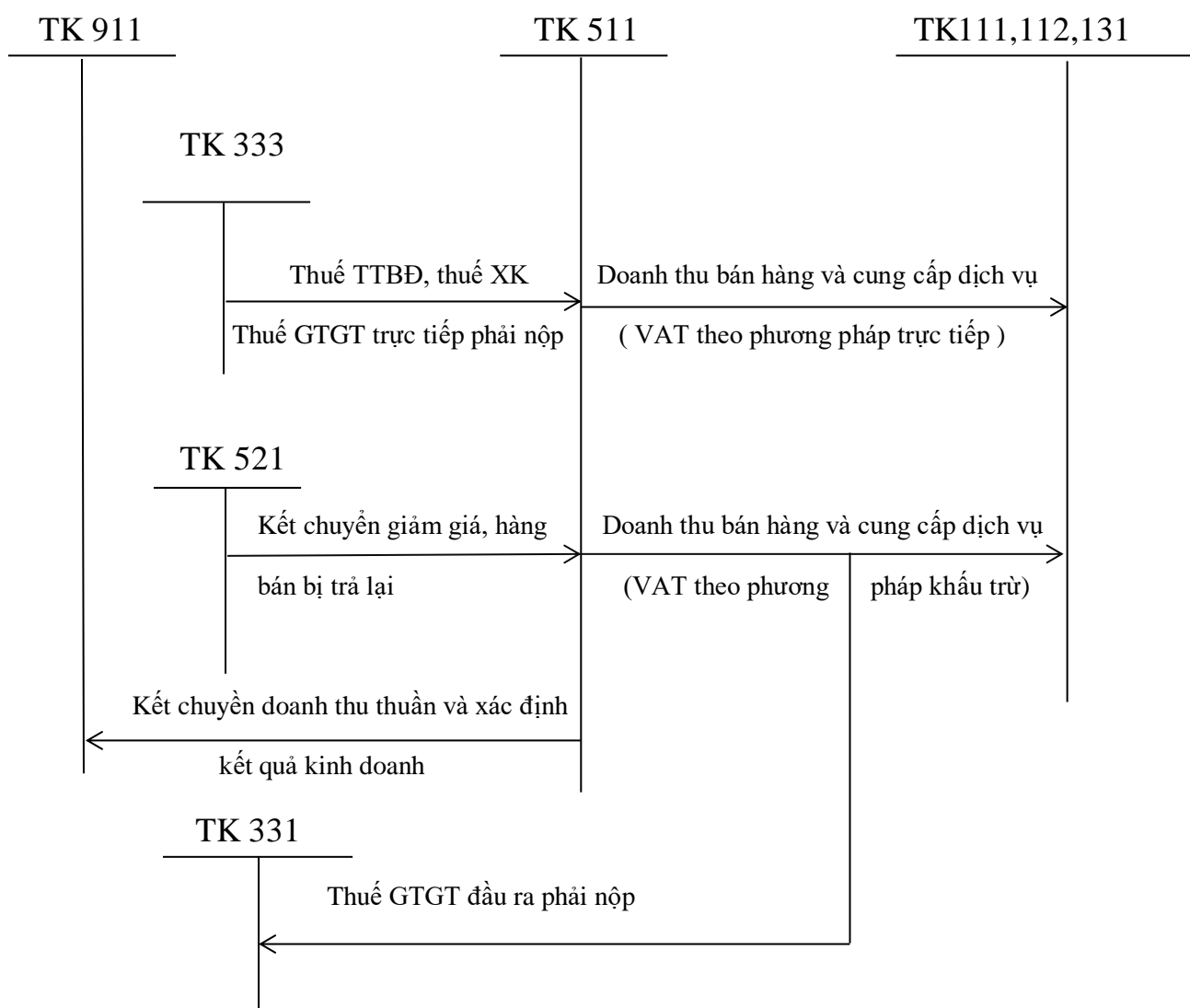
❖ Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 511 dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty con trong cùng một tập đoàn.

- ❖ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ
- ❖ Tài khoản 511 bao gồm 6 tài khoản cấp 2
 - + *Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...
 - + *Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...
 - + *Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...
 - + *Tài khoản 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá*: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.
 - + *Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.
 - + *Tài khoản 5118- Doanh thu khác*: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài doanh thu bán hàng hóa, doanh thu bán thành phẩm, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu được trợ cấp giá và doanh thu kinh doanh bất động sản như: Doanh thu bán vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ dụng cụ và các khoản doanh thu khác.
- ❖ Kết cấu tài khoản 511

NỢ	511	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> ❖ Số thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ kế toán. ❖ Trị giá khoản CKTM kết chuyển vào cuối kỳ. ❖ Trị giá hàng bán bị trả lại kết chuyển vào cuối kỳ. ❖ Trị giá khoản giảm giá hàng bán được kết chuyển vào cuối kỳ. ❖ Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 		<ul style="list-style-type: none"> ❖ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã được thực hiện trong kỳ kế toán.
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 511 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ Phương thức hạch toán



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- ❖ Chứng từ sử dụng
- ❖ Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.
- ❖ Giấy báo nợ
- ❖ Phiếu chi
- ❖ Tài khoản sử dụng
- ❖ Tài khoản 521- Các khoản giảm trừ doanh thu: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

❖ Tài khoản 521 bao gồm 3 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 5211- Chiết khấu thương mại* : Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ.

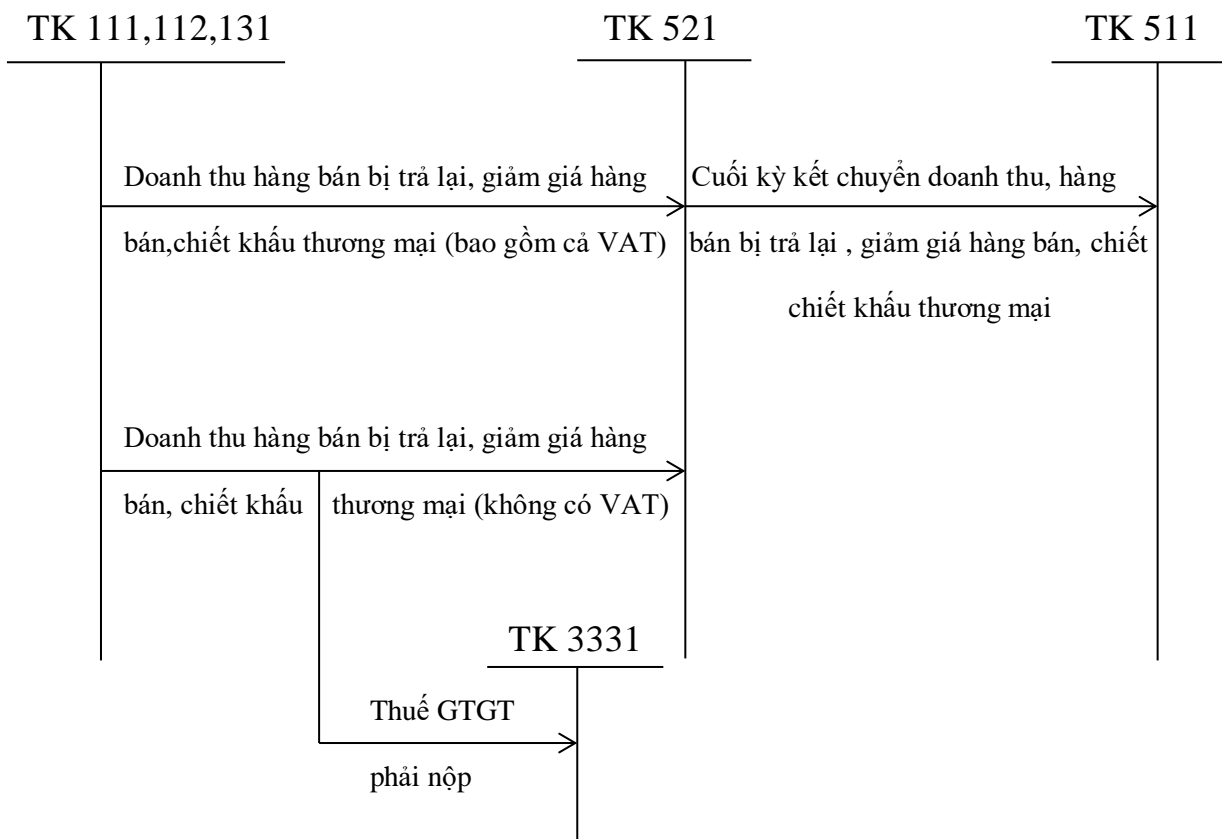
+ Tài khoản 5212- Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.

+ Tài khoản 5213- Giảm giá hàng bán: Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ.

❖ Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 521	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> ❖ Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. ❖ Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho khách hàng. ❖ Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho khách hàng hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp. 		<p>Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.</p>
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 521 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

❖ Phương pháp bình quân gia quyền: theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng thời kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

+ Theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng I tồn kho đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}$$

+ Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập

$$\frac{\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập } j \text{ của hàng I}}{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng I}} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng I}}{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng I}}$$

❖ Phương pháp nhập trước xuất trước: phương pháp nhập trước xuất trước áp dụng trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước thì được xuất trước theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của lô hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

❖ Phương pháp giá bán lẻ: phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

❖ Phương pháp thực tế đích danh: phương pháp này giá được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

❖ Chứng từ sử dụng

❖ Phiếu xuất kho.

❖ Bảng phân bổ giá vốn.

❖ Tài khoản sử dụng

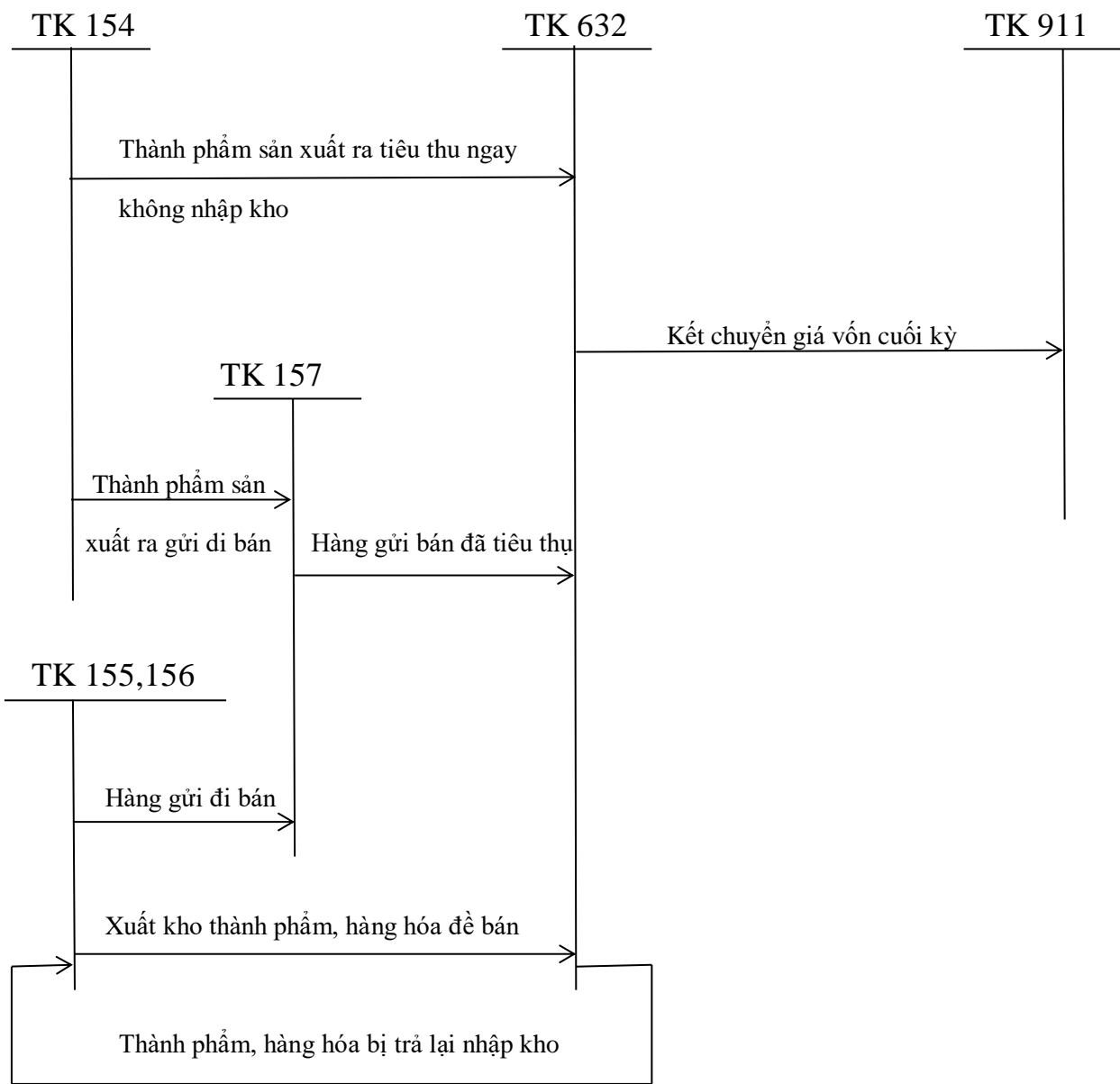
❖ Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây dựng) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản.

❖ Kế cấu tài khoản

NỢ	TK 632	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> ❖ Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ. ❖ Chi phí NVL, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. ❖ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 		<ul style="list-style-type: none"> ❖ Kết chuyển giá vốn hàng bán của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán trong kỳ, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư, khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. ❖ Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 632 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

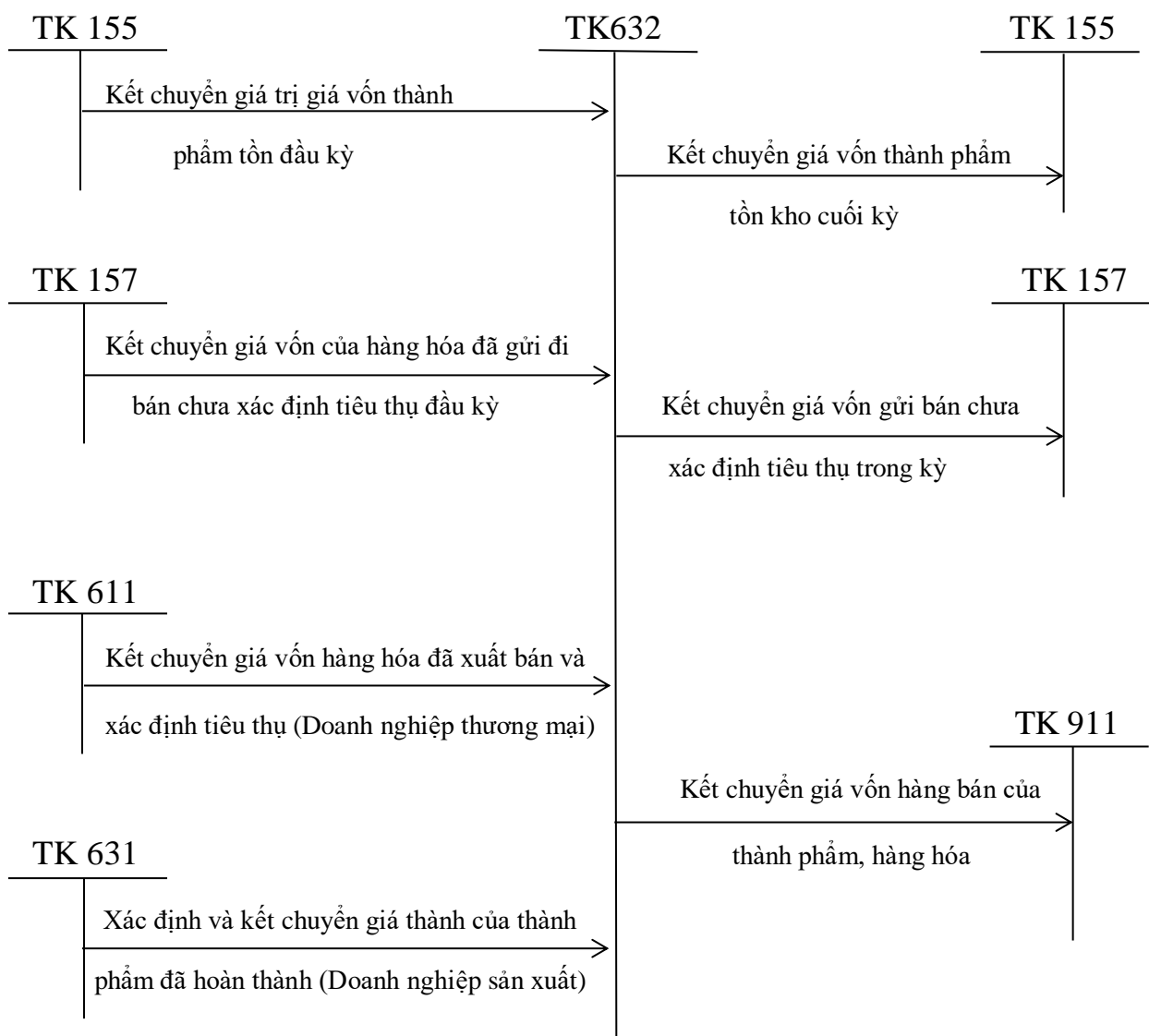
❖ Phương pháp hạch toán

- ❖ Doanh nghiệp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

❖ Doanh nghiệp hạch toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.6. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

1.6.1. Kế toán chi phí bán hàng

- ❖ Chứng từ sử dụng
- ❖ Bảng lương, bảng phân bổ lương.
- ❖ Bảng phân bổ chi phí trả trước.
- ❖ Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.
- ❖ Phiếu chi, giấy báo nợ, hóa đơn GTGT bán hàng các dịch vụ mua ngoài.

- ❖ Tài khoản sử dụng

- ❖ *Tài khoản 641- chi phí bán hàng*: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp

dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

❖ Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 6411- Chi phí nhân viên*: Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp,...

+ *Tài khoản 6412- Chi phí vật liệu, bao bì*: Phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản TSCĐ,... dùng cho bộ phận bán hàng.

+ *Tài khoản 6413- Chi phí dụng cụ, đồ dùng*: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc,...

+ *Tài khoản 6414- Chi phí khấu hao TSCĐ*: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà lưu kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển, phương tiện tính toán, phương tiện đo lường, kiểm nghiệm chất lượng,...

+ *Tài khoản 6415- Chi phí bảo hành*: Phản ánh chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí sửa chữa và bảo hành công trình xây lắp phản ánh ở TK 627 “ Chi phí sản xuất chung” không phản ánh ở tài khoản này.

+ *Tài khoản 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, trả tiền hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu,...

+ *Tài khoản 6418- Chi phí bằng tiền khác*: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng,...

❖ Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 641	CÓ
❖ Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ	❖ Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ. ❖ Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.	
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TK 641 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

1.6.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp❖ Chứng từ sử dụng

- ❖ Bảng lương, bảng phân bổ lương.
- ❖ Phiếu xuất kho vật liệu, công cụ dụng cụ sử dụng cho bộ phận quản lý.
- ❖ Bảng phân bổ chi phí trả trước.
- ❖ Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.
- ❖ Hóa đơn GTGT bán hàng các dịch vụ mua ngoài, phiếu chi, giấy báo nợ.
- ❖ Các chứng từ khác.

❖ Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 642- Chi phí nhân viên quản lý: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...) , bảo hiểm xã hội, bảo hiểm ý tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (điện nước, điện thoại, internet, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...), chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...)

❖ Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- + Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- + Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- + Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Tài khoản 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- + Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng.

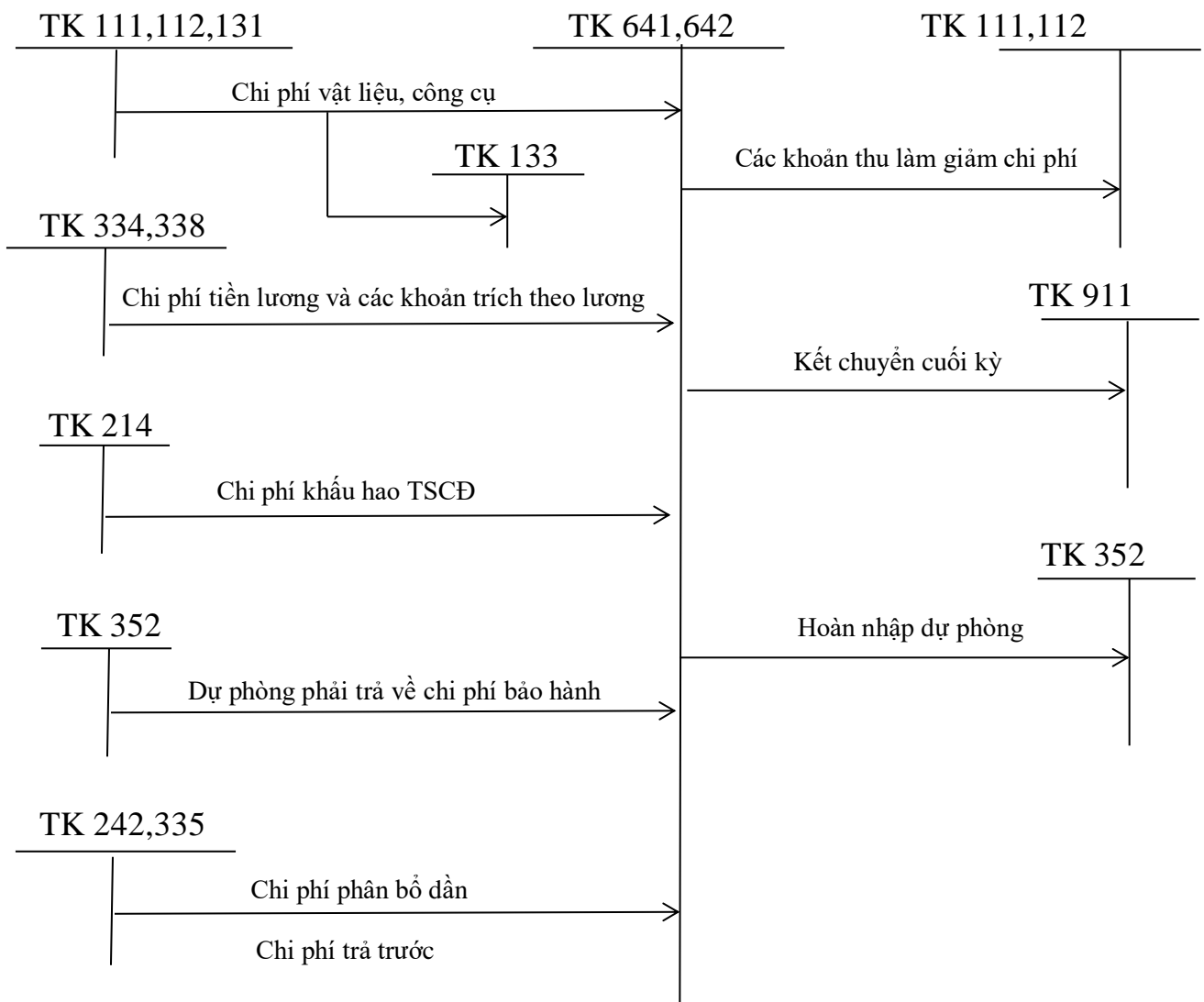
+ Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

+ Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác.

❖ Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 642	CÓ
<p>❖ Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.</p> <p>❖ Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).</p>	<p>❖ Các khoản được ghi nhận giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.</p> <p>❖ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).</p> <p>❖ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</p>	
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 642 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.7. Kế toán doanh thu, chi phí và hoạt động tài chính

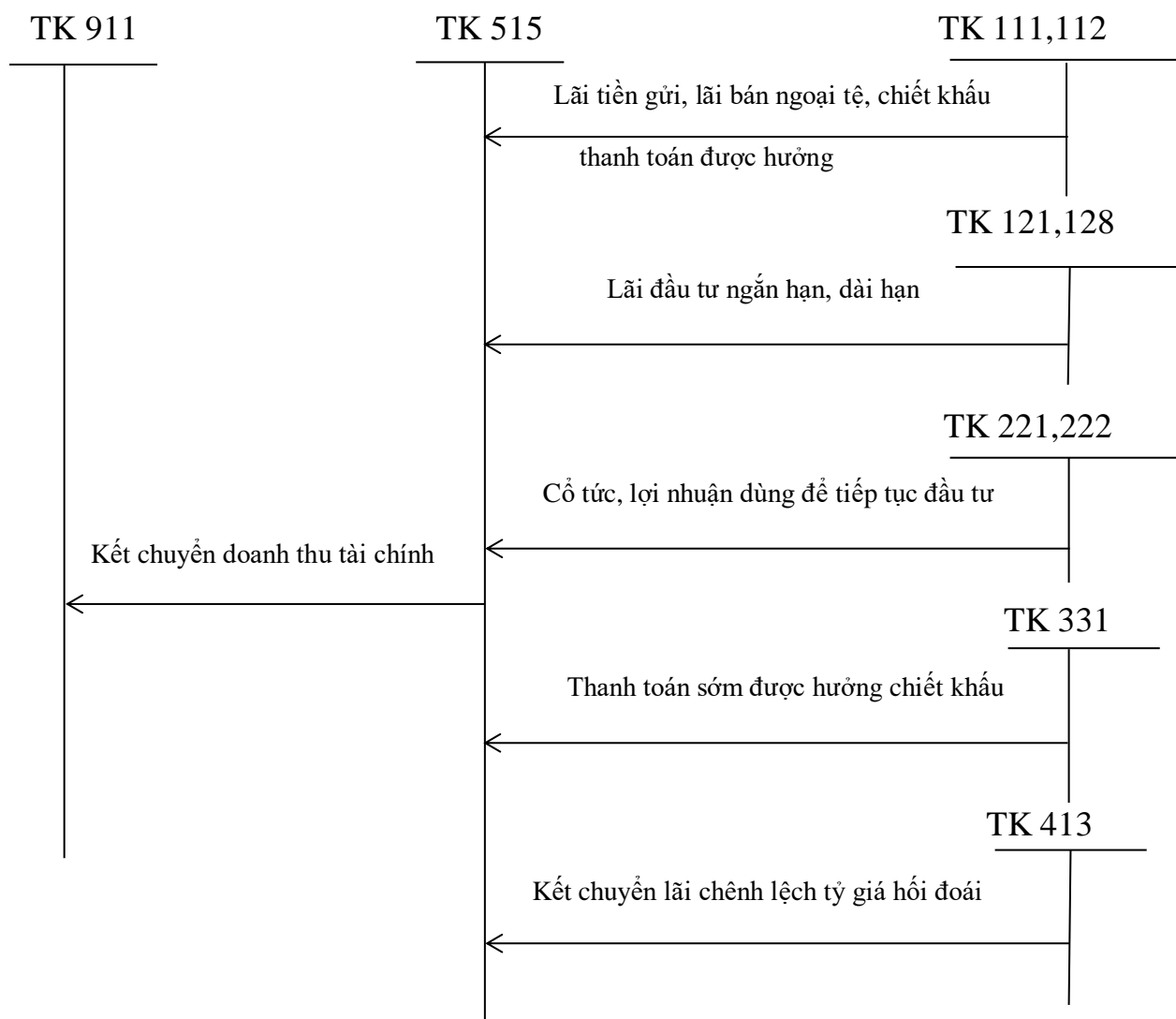
1.7.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- ❖ Chứng từ sử dụng
- ❖ Phiếu thu.
- ❖ Giấy báo có.
- ❖ Các chứng từ khác có liên quan.
- ❖ Tài khoản sử dụng
- ❖ Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ Kế cấu tài khoản

NỢ	TK 515	CÓ
❖ Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. ❖ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		❖ Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 515 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.7.2. Kế toán chi phí tài chính

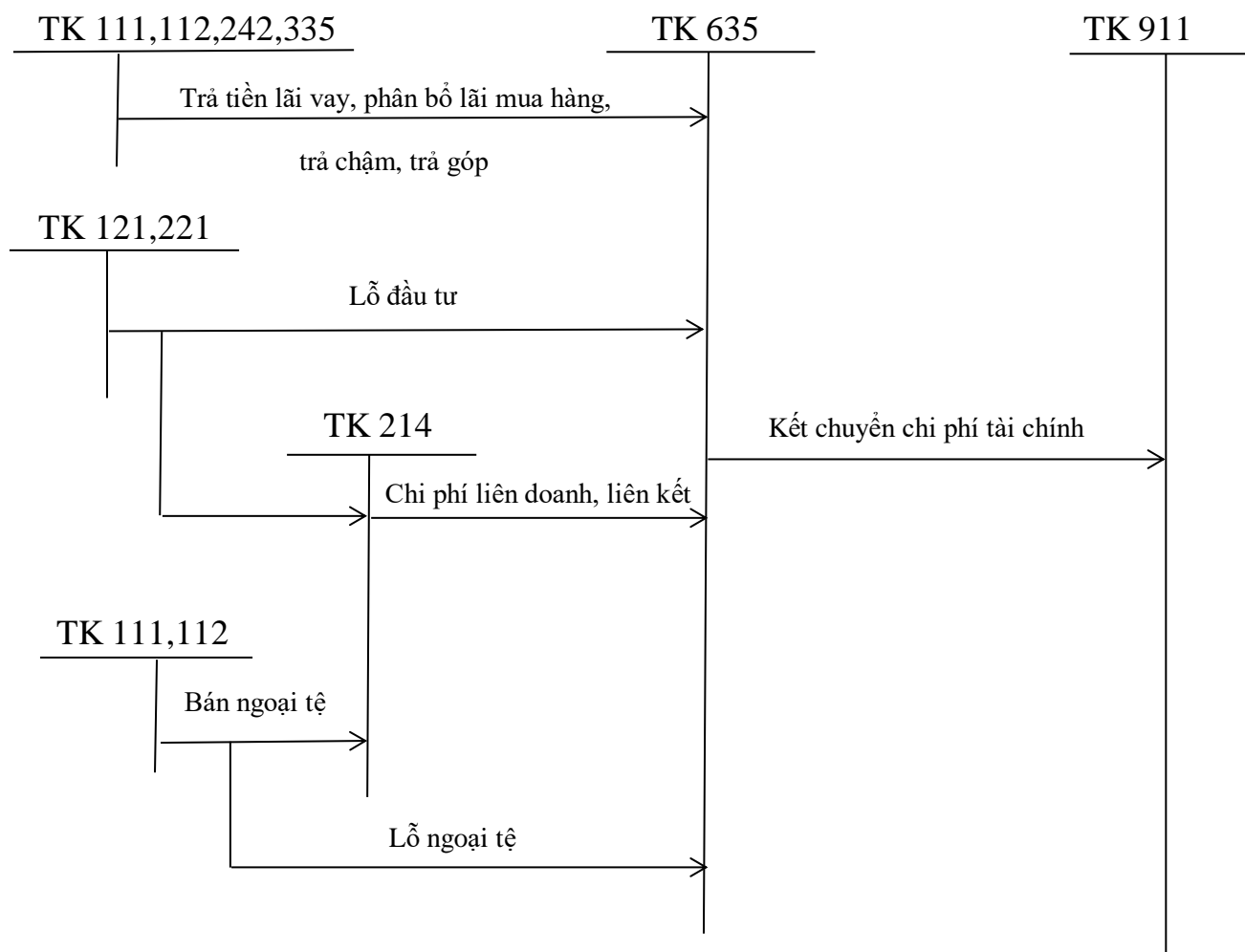
- ❖ Chứng từ sử dụng
- ❖ Phiếu chi.
- ❖ Giấy báo nợ.
- ❖ Các chứng từ khác liên quan.
- ❖ Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 635- Chi phí hoạt động tài chính: Tài khoản này phản ánh khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

- ❖ Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 653	CÓ
<ul style="list-style-type: none"> ❖ Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. ❖ Lỗ bán ngoại tệ. ❖ Chiết khấu thanh toán cho người mua. ❖ Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. ❖ Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. ❖ Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. ❖ Các khoản chi phí hoạt động đầu tư tài chính khác. 	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). ❖ Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. ❖ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 	
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 635 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.8. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

1.8.1. Kế toán thu nhập khác

❖ Chứng từ sử dụng

❖ Phiếu thu, Báo có.

❖ Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

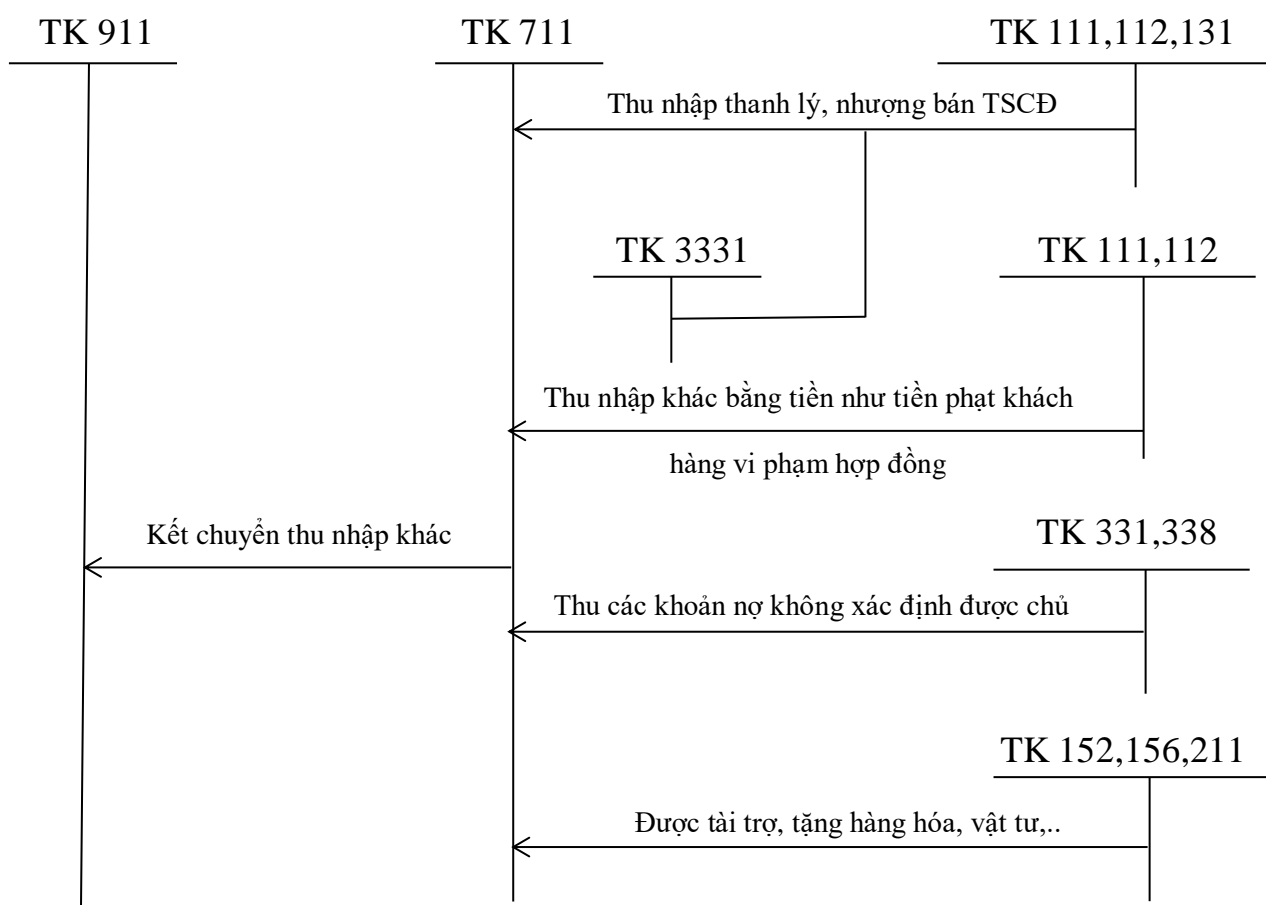
❖ Tài khoản 711- Thu nhập khác: Tài khoản này phản ánh thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi xử lý đã xóa sổ, các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, khoản tiền thưởng cho khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có), thu nhập từ quà từ quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật

của các tổ chức, các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ, năm nay mới phát hiện ra.

❖ Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 711	CÓ
<p>❖ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.</p> <p>❖ Cuối kỳ toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh.”</p>		<p>❖ Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.</p>
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 711 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

❖ Phương pháp hạch toán



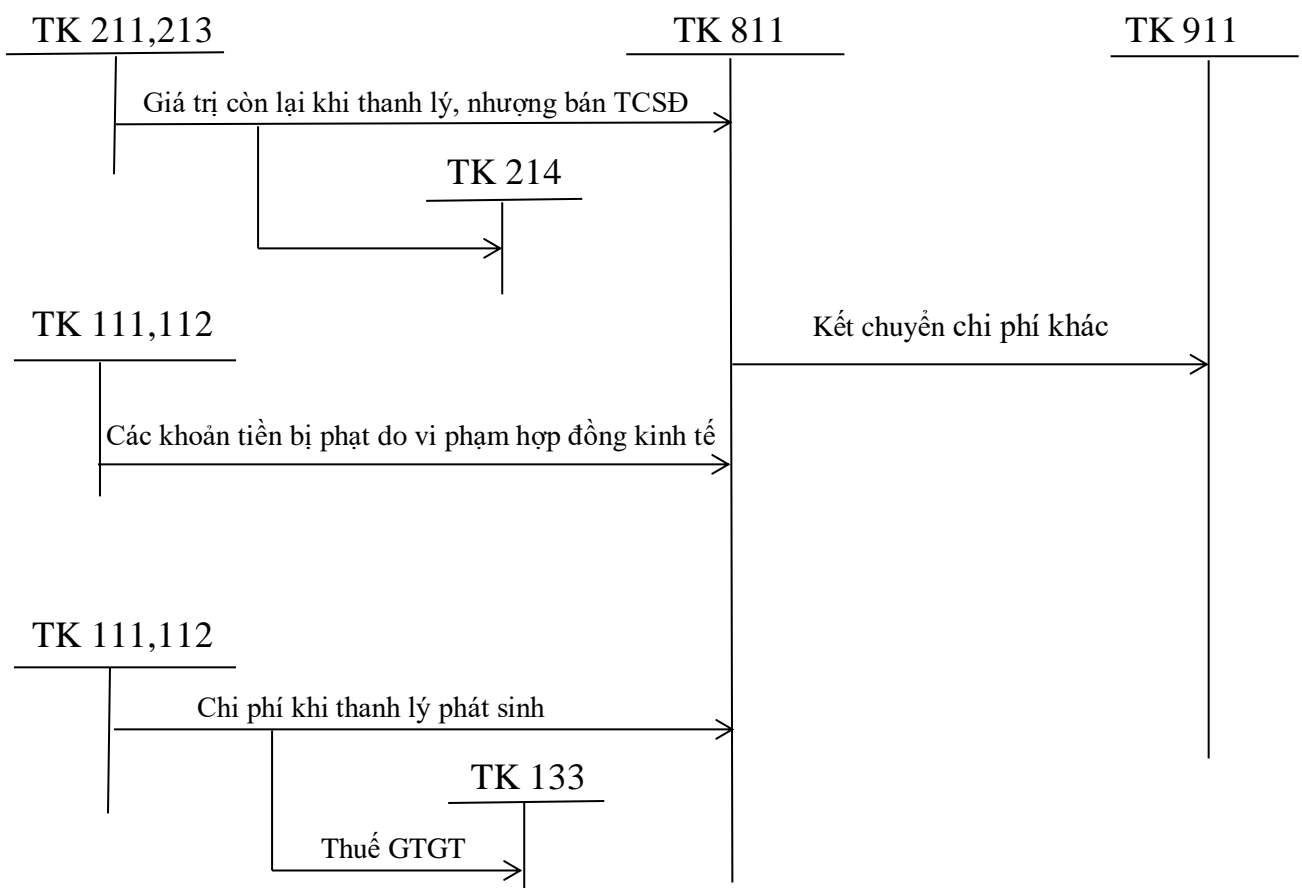
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập khác

1.8.2. Kế toán chi phí khác

- ❖ Chứng từ ghi sổ
- ❖ Báo nợ, phiếu chi.
- ❖ Các chứng từ khác liên quan.
- ❖ Tài khoản sử dụng
- ❖ Tài khoản 811- Chi phí khác: Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có), tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phát thuế, truy thu thuế, các khoản phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản phí khác.
- ❖ Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 811	CÓ
❖ Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ		❖ Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
TỔNG SPS NỢ		TỔNG SPS CÓ
TÀI KHOẢN 811 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ		

- ❖ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí khác

1.9. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

- ❖ Chứng từ sử dụng
- ❖ Phiếu kế toán
- ❖ Chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng
- ❖ Tài khoản 911: Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- ❖ Tài khoản 421: Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp. Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2

- + Tài khoản 4211- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước: Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của các

năm trước. TK 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện. Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4211 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay” sang TK 4211 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước”.

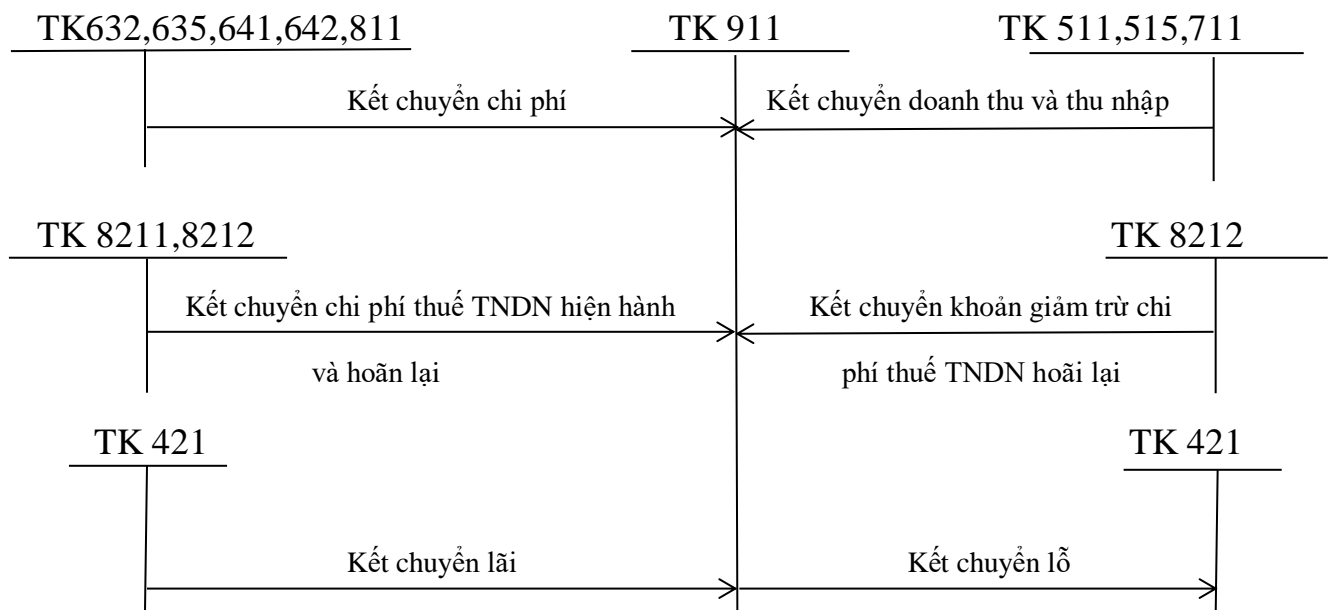
+ *Tài khoản 4212- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*: Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ của năm nay.

❖ *Tài khoản 821*: Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

+ Tài khoản 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ Tài khoản 8212- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

❖ Phương pháp hạch toán

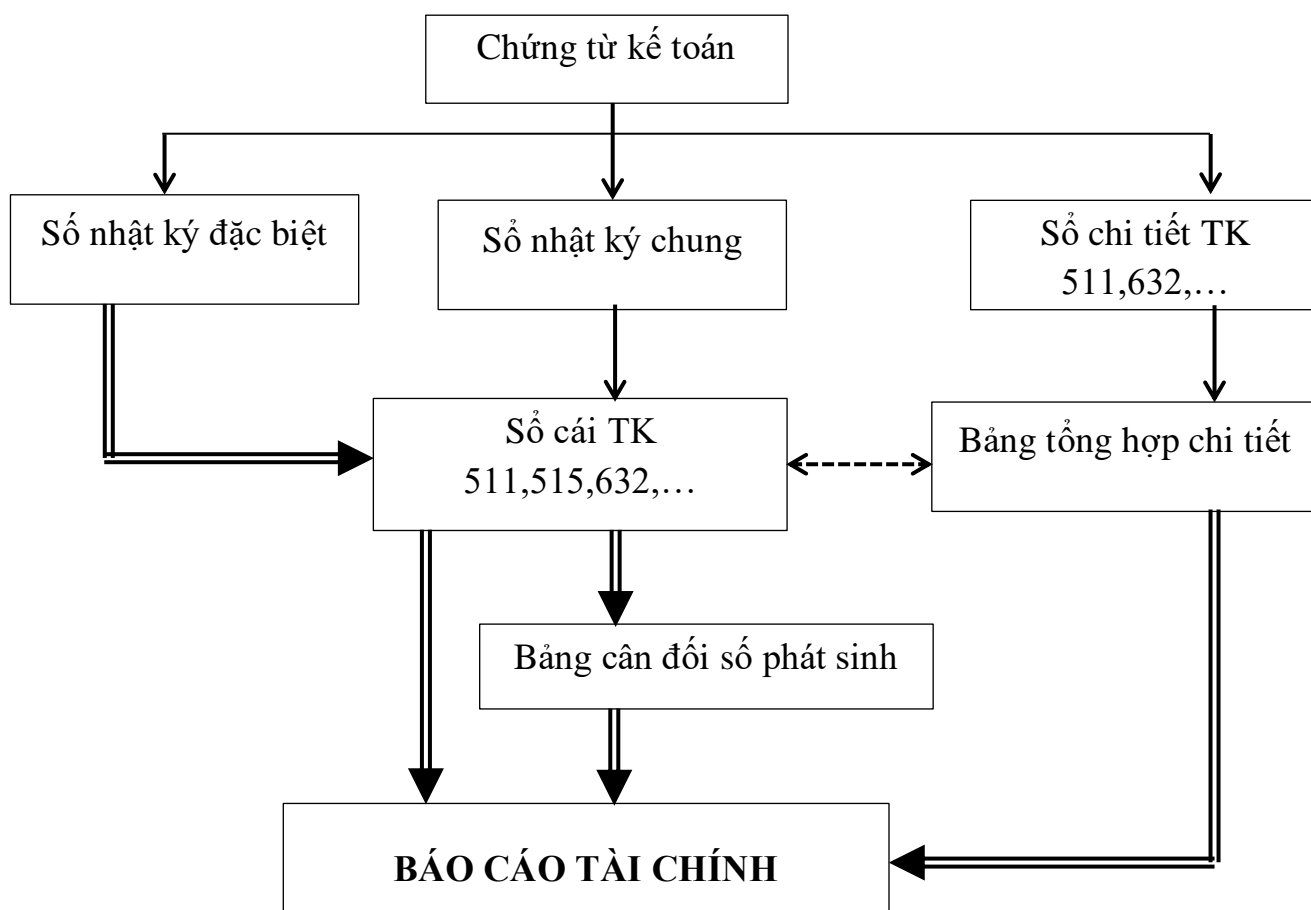


Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.10. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo TT 200/2014 của bộ tài chính doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

1.10.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

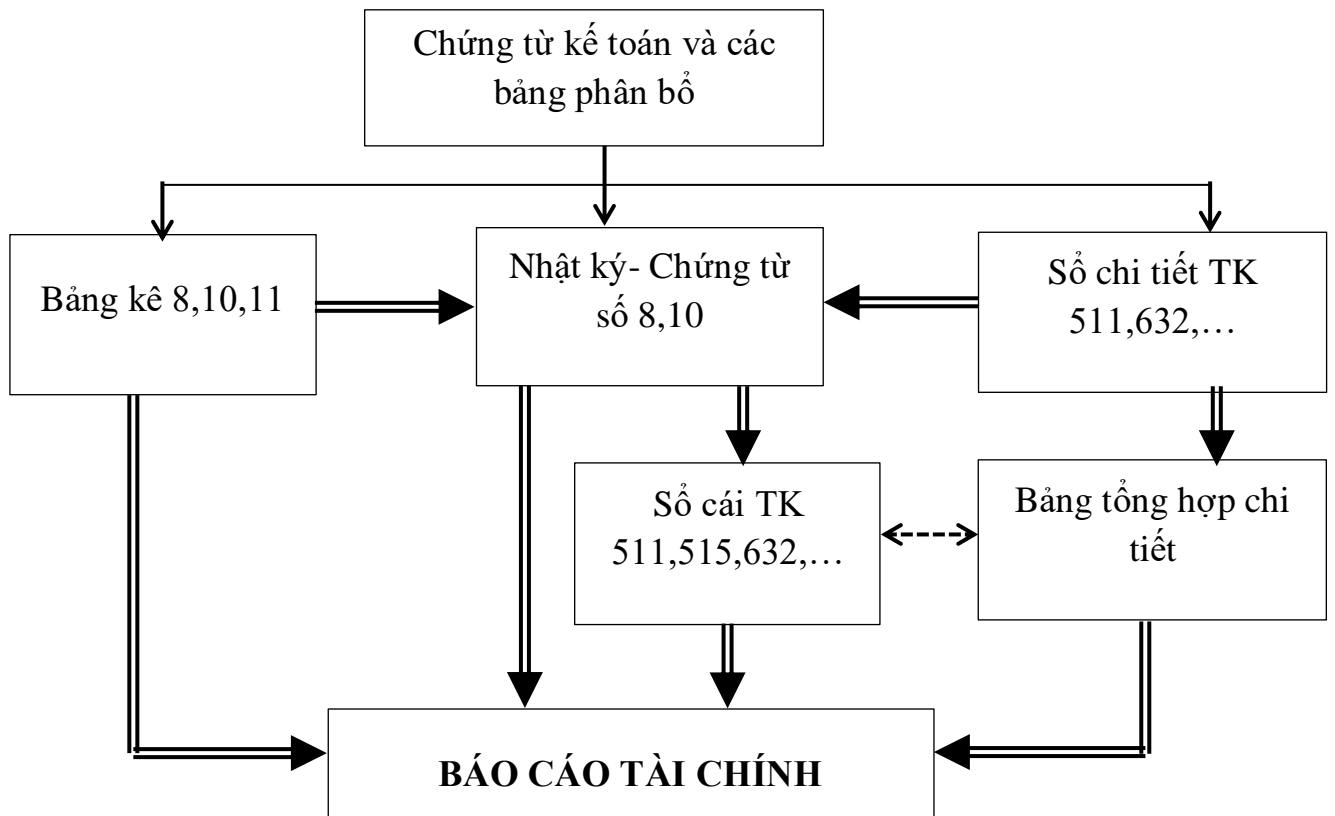


Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- : Ghi định kỳ
- : Đối chiếu

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung

1.10.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ

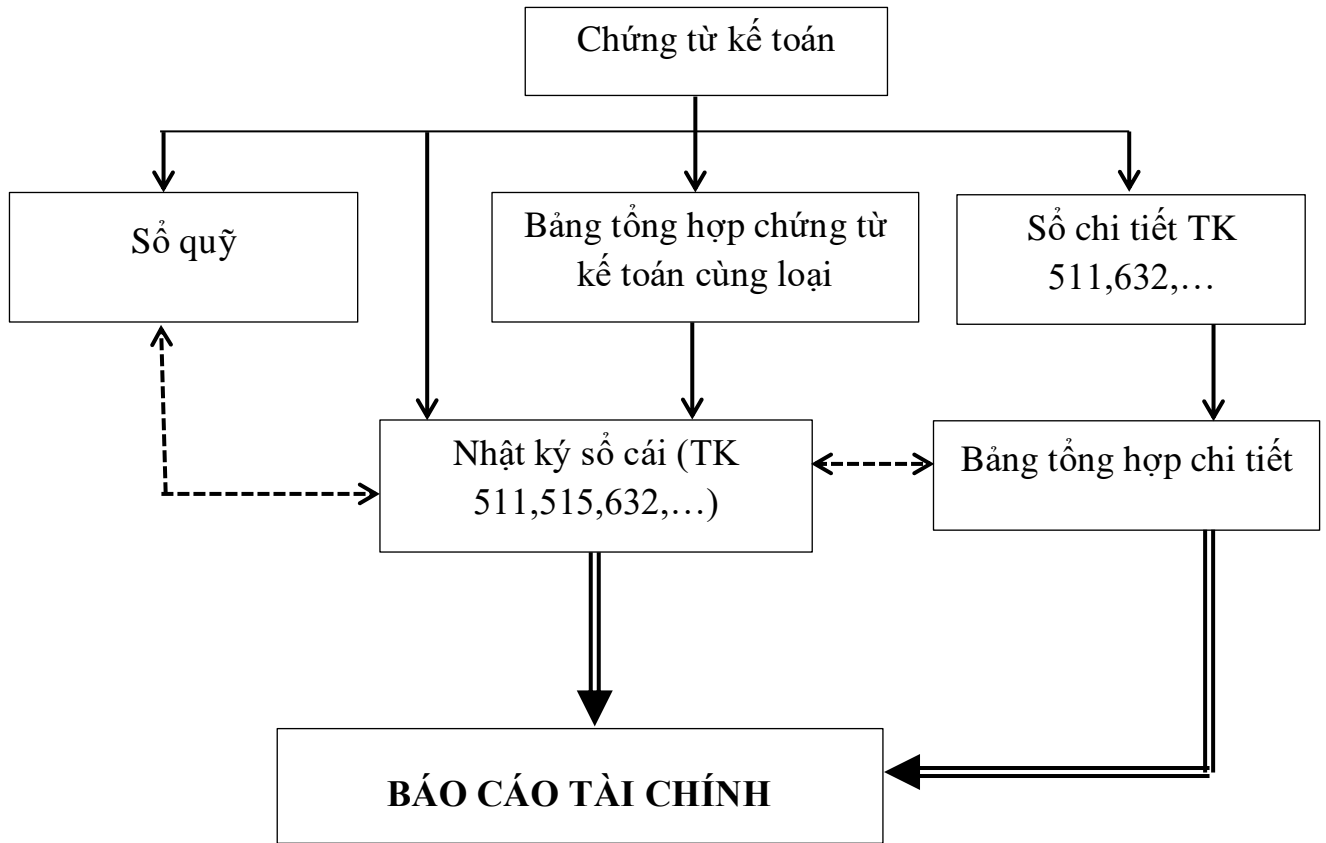


Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ====→ : Ghi định kỳ
- > : Đối chiếu

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Chứng từ

1.10.3. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái

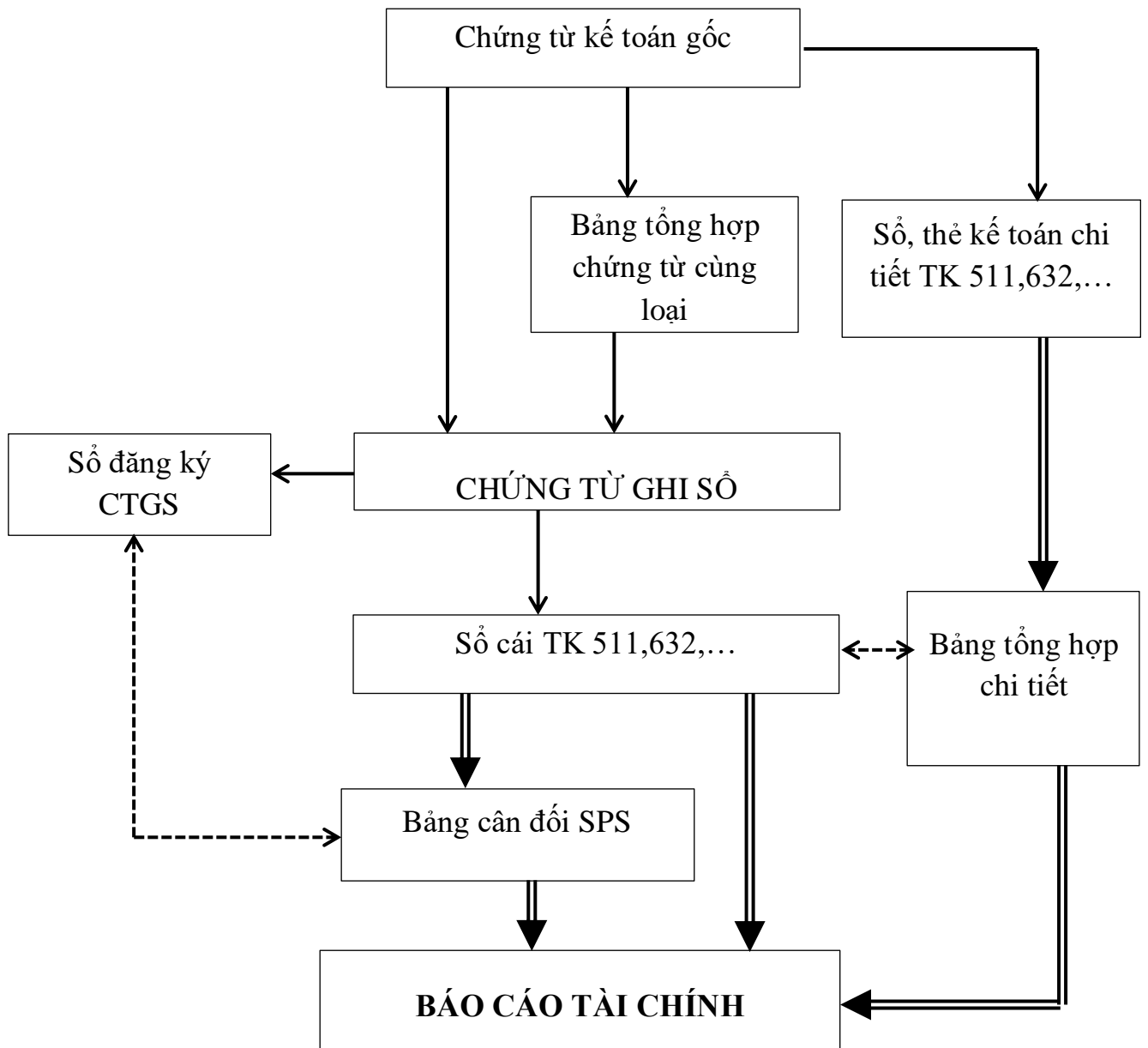


Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi định kỳ
- > : Đối chiếu

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Sổ cái

1.10.4. Hình thức nhật ký chứng từ ghi sổ

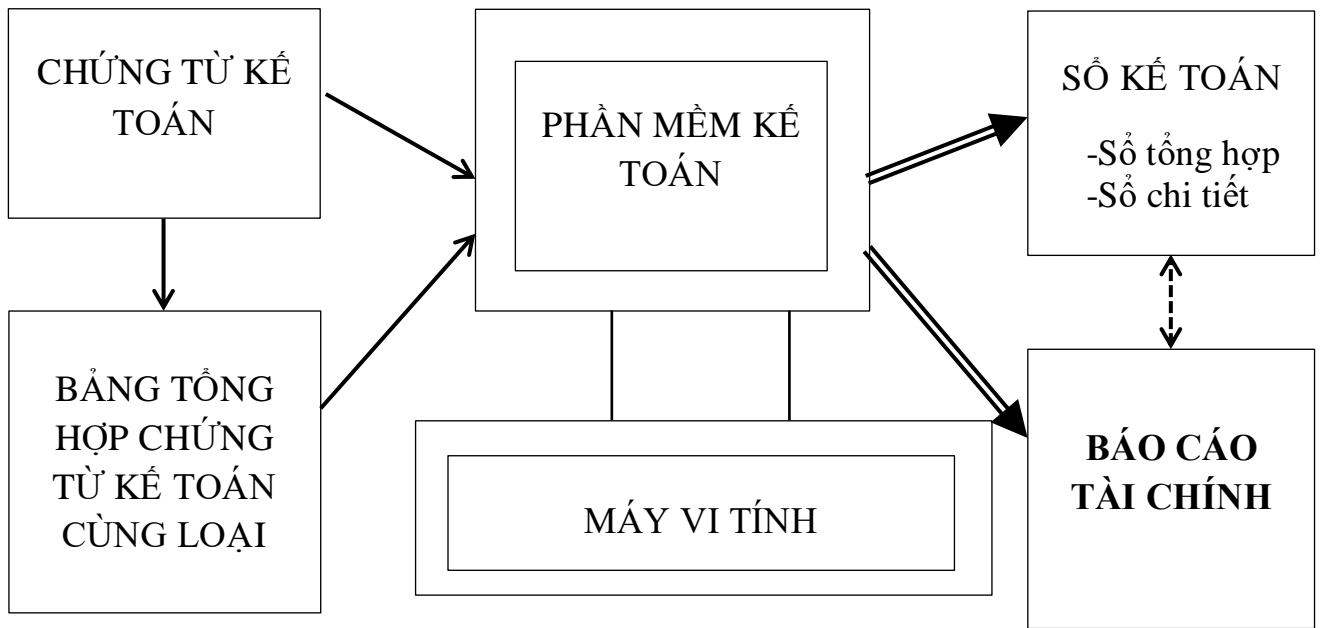


Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi định kỳ
- > : Đối chiếu

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký- Sổ cái

1.10.5. Hình thức kế toán máy



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- : Ghi định kỳ
- : Đối chiếu

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HIỀN HẠNH****2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.**

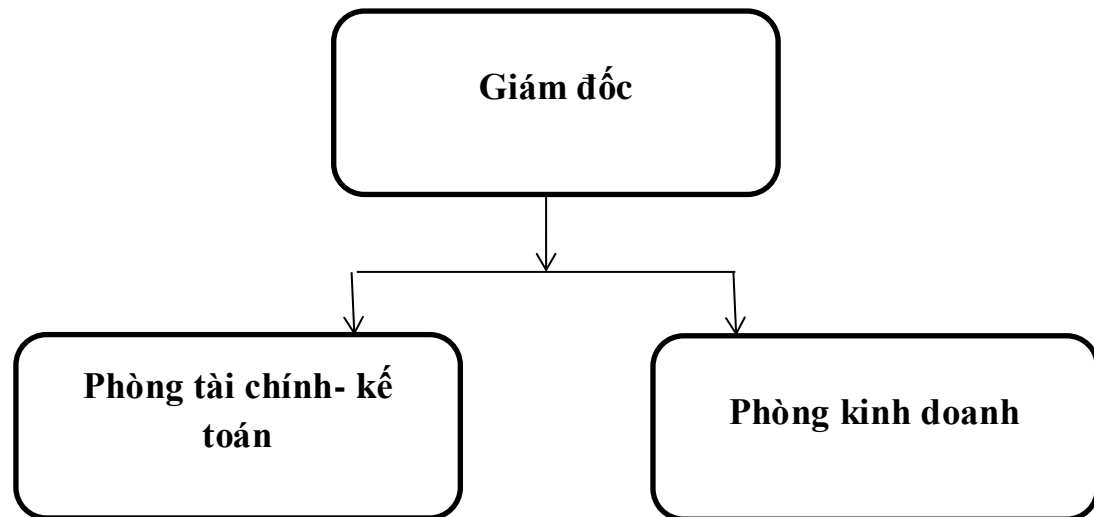
- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh
- Tên giao dịch: HIEN HANH TD., JSC
- Địa chỉ: Thôn Tứ Duy- xã Hưng Nhân- Huyện Vĩnh Bảo- Hải Phòng
- Mã số thuế: 0201250560
- Giấy phép kinh doanh: 0201250560 – ngày cấp: 24/03/2012
- Ngày hoạt động: 30/03/2012
- Giám đốc: Đoàn Văn Hiền

2.1.2. Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.

Các lĩnh vực kinh doanh của công ty như cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa, kinh doanh bất động sản, ... trong đó lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là bán xăng, dầu.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.

Để đảm bảo công tác quản lý và điều hành một cách thuận lợi và hiệu quả. Công ty đã áp dụng cơ cấu tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng (Sơ đồ 2.1)



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh.

Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận ở Công ty

- **Giám đốc:** Là người lãnh đạo cao nhất, đại diện hợp pháp của công ty trước cơ quan nhà nước và pháp luật; lập ra các định hướng phát triển cho công ty, giám sát và điều hành các hoạt động của công ty.

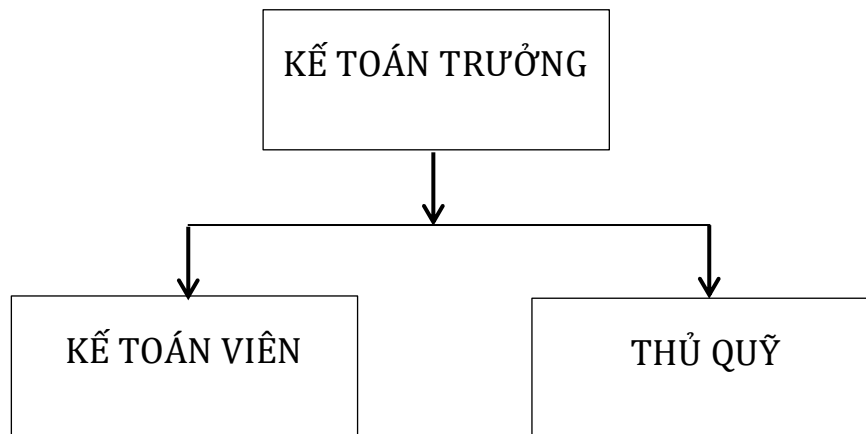
- **Phòng tài chính kế toán:** cập nhật mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm về mọi kết quả trước ban giám đốc phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của công ty theo từng quý, năm. Kiểm tra, kiểm soát việc thu-chi, thanh toán các khoản nợ, theo dõi tình hình công nợ của khách hàng. Phân tích tình hình tài chính trong Công ty, đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Cuối quý, kế toán tổng hợp lập báo cáo kế toán để trình lên ban lãnh đạo về tình hình thực hiện kinh doanh của Công ty.

- **Phòng kinh doanh:** có nhiệm vụ tham mưu và xây dựng cho lãnh đạo công ty kế hoạch kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của công ty, nghiên cứu phát triển thị trường, xây dựng và phát triển mối quan hệ với khách hàng, chịu trách nhiệm giới thiệu sản phẩm rộng rãi, thực hiện việc ký hợp đồng cho công ty.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần và phát triển thương mại Hiền Hạnh.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh.

Bộ máy kế toán của Công ty theo mô hình sơ đồ 2.2 kế toán tập trung.
Mọi chứng từ số liệu đều tập trung gửi về phòng Tài chính- Kế toán.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh.

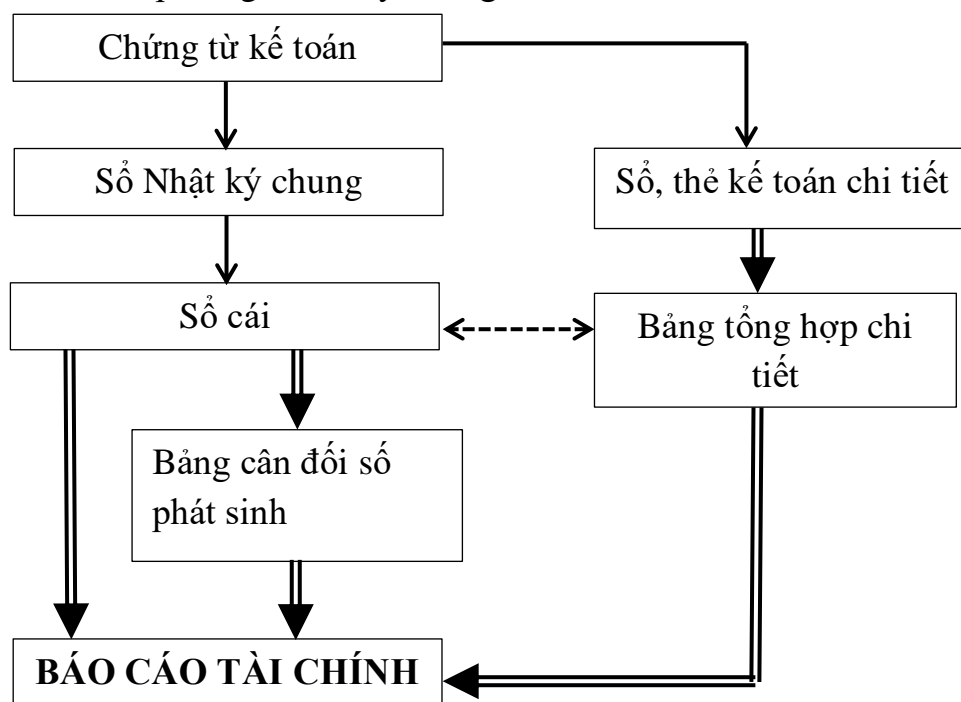
- **Kế toán trưởng:** Phụ trách công tác kế toán chung cho Công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phân hành sau: các khoản công nợ phải thu phải trả, theo dõi TSCĐ, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn hiệu quả nhất.

- **Kế toán viên:** Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả các số liệu bán hàng, kế toán bán hàng, tiền lương, nguyên vật liệu, hàng hóa, tiền mặt để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán hay giám đốc hoặc phó giám đốc. Theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho vật tư, hàng hóa về mặt số lượng và tiền. Xuất, nhập, bảo quản vật tư, hàng hóa theo quy định của công ty.

- **Thủ quỹ:** Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu, phiếu chi đã được phê duyệt. Quản lý, bảo quản tiền mặt. Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh.

- Chế độ kế toán áp dụng: Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.
- Kỳ kế toán của năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Nhập trước- xuất trước.
- Phương pháp tính khấu hao: Phương pháp đường thẳng.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi định kỳ
- ←- - - -> : Đối chiếu

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.

2.2.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT.
 - Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có...
 - Bảng kê bán lẻ hàng hóa.
 - Chứng từ khác có liên quan.
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng.
- ❖ Sổ sách kế toán sử dụng
 - Sổ nhật ký chung.
 - Sổ cái TK 511.
- ❖ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 03/12/2017 Công ty xuất bán 12.500 lít dầu Diesel cho Công ty TNHH Thương Mại Đoàn Xuân theo HĐ0000319 (Biểu 2.1) với đơn giá là 15.160đồng/lít, đã thanh toán bằng CK.

- Căn cứ vào HĐ0000319 (Biểu 2.1) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2)

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000319

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: PL/16P		
Liên 3: Nội bộ			Số : 0000319		
Ngày 03 tháng 12 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh					
Địa chỉ: Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:			MST: 0201255600		
Họ và tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: : Công ty TNHH Thương Mại Đoàn Xuân					
Địa chỉ: Số 1207+1209 Trần Nhân Tông, P. Văn Đẩu, Q. Kiến An, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:			MST:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Dầu Diesel	lít	12.500	15.160	189.500.000
Cộng tiền hàng:					189.500.000
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 18.950.000	
Tổng cộng tiền thanh toán: 208.450.000					
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm linh tám nghìn bốn trăm năm mươi nghìn đồng					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Giám đốc (Đã ký)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Biểu 2.2: Sổ Nhật ký chung

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng				Mẫu số S03a –DN (Ban hành theo TT 200/2014- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017						
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
03/12/17	HD 0000319	03/12/17	Xuất bán dầu Diesel cho Công ty TNHH TM Đoàn Xuân đã TT bằng TGNH	112	208.450.000	
				511		189.500.000
				3331		18.950.000
					
14/12/17	HĐ 0000436	12/12/17	Thanh toán cước viễn thông	642	1.620.841	
				133	162.084	
				111		1.782.925
					
			Cộng phát sinh		248.030.142.139	248.030.142.139
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 511 (Biểu 2.3)

Biểu 2.3: Sổ cái TK 511

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn tứ duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng				Mẫu số S03b –DN (Ban hành theo TT 200/2014- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
SỔ CÁI						
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017						
Loại TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ						
Số hiệu: 511						
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
03/12/17	HD 0000319	03/12/17	Doanh thu bán dầu Diesel cho Công ty TNHH TM Đoàn Xuân	112		189.500.000
					
10/12/17	HD 0000398	10/12/17	Doanh thu bán Dầu Diesel	112		188.524.000
					
31/12/17	PKT 14	31/12/17	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	29.720.425.716	
			Cộng số phát sinh		29.720.425.716	29.720.425.716
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)			Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Phiếu xuất kho
 - Chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán
- ❖ Sổ sách kế toán sử dụng
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ cái TK 632
- ❖ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 03/12/2017 Công ty xuất bán 12.500 lít dầu Diesel cho Công ty TNHH Thương Mại Đoàn Xuân theo HĐ0000319 (Biểu 2.1), đã thanh toán bằng CK.

Dựa vào sổ chi tiết hàng hóa (Biểu 2.4) kế toán tiến hành xác định đơn giá hàng xuất kho rồi lập phiếu xuất kho số 8/12 (Biểu 2.5). Để xác định giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước . Kế toán lấy 12.500 lít dầu Diesel với đơn giá 14.900 đồng/kg (Do ngày 3/12 là lần đầu tiên xuất kho dầu Diesel để bán)

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 8/12 kế toán định khoản giá vốn hàng bán

Nợ TK 632 : 186.250.000

Có TK 156: 186.250.000

Từ đó ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.10)

Biểu 2.4: Sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng					Mẫu số S10 –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)					
SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)										
Tháng 12 năm 2017 Tài khoản 156 Tên quy cách: dầu Diesel										
Đơn vị tính: lít										
Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		SDĐK		14.900					96.000	1.430.400.000
PXK 8/12	03/12	Xuất hàng theo HĐ0000319	632	14.900			12.500	186.250.000	83.500	1.244.150.000
									
		Cộng SPS					56.200	837.380.000		
		SDCK							39.800	593.020.000
Người ghi sổ					Kế toán trưởng			Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Giám đốc		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Biểu 2.9: Phiếu xuất kho số 8/12

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng				Mẫu số 02 –VT (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 03 tháng 12 năm 2017 Số 8/12							
Nợ TK 632 Có TK 156							
Họ và tên người nhận hàng: Phạm Tuấn Hùng							
Đơn vị:							
Lý do xuất: Xuất hàng bán							
Xuất tại kho:							
STT	Tên thành phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	dầu Diesel		lít	12.500	12.500	14.900	186.250.000
	Cộng						186.250.000
Tổng tiền (bằng chữ): Một trăm triệu đồng chẵn.							
Ngày 03 tháng 12 năm 2017							
Người lập phiếu (Đã ký)	Người nhận hàng (Đã ký)	Thủ kho (Đã ký)	Kế toán trưởng (Đã ký)			Giám đốc (Đã ký)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Biểu 2.10: Sổ Nhật ký chung

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng				Mẫu số S03a –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017						
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
03/12/17	PNX 8/12	03/12/17	Giá vốn dầu Diesel	632	186.250.000	
				156		186.250.000
					
10/12/17	PXK 13/12	10/12/17	Giá vốn dầu Diesel	632	188.524.000	
				156		188.524.000
					
			Cộng phát sinh		248.030.142.139	248.030.142.139
Người ghi sổ <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>			Giám đốc <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.10) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 632 (Biểu 2.11)

Biểu 2.11: Sổ cái TK 632

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng				Mẫu số S03b –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
SỔ CÁI Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Loại TK: Giá vốn hàng bán Số hiệu: 632						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
03/12/17	PXK 8/12	03/12/17	Bán dầu Diesel	156	186.250.000	
					
10/12/17	PXK 13/12	10/12/17	Bán dầu Diesel	156	188.524.000	
					
31/12/17	PKT 13	31/12/17	Kết chuyển giá vốn	911		22.489.391.322
			Cộng số phát sinh		22.489.391.322	22.489.391.322
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

- ❖ Chứng từ kế toán
 - Bảng lương, bảng phân bổ lương.
 - Bảng phân bổ chi phí trả trước.
 - Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.
 - Phiếu chi, giấy báo nợ, Hóa đơn GTGT.
 - Các chứng từ khác có liên quan,...
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 641: Chi phí bán hàng
 - TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- ❖ Sổ sách kế toán
 - Sổ Nhật ký chung.
 - Sổ cái TK 641, 642.
- ❖ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 14 tháng 12 năm 2017 Công ty thanh toán tiền điện thoại tháng 11 năm 2017 theo HĐ0000436. Số tiền ghi trên hóa đơn là 1.782.925 (VAT 10%)

Định khoản

Nợ TK 642 : 1.620.841

Nợ TK 133 : 162.084

Có TK 111 : 1.782.925

Căn cứ vào HĐ0000436 (Biểu 2.11) Công ty tiến hành lập phiếu chi 17/12 (Biểu 2.12). Dựa vào hóa đơn và phiếu chi Công ty tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.15)

Biểu 2.11: Hóa đơn dịch vụ viễn thông

		Mẫu số: 01GTKT0/001			
HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG		Ký hiệu: BB/13E			
Telecommunication service invoice		Số 0000436			
Đơn vị bán hàng: Trung tâm kinh doanh VNPT- Hải Phòng- Chi nhánh Tổng công ty dịch vụ viễn thông Mã số thuế:					
Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng					
Tên khách hàng: Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh					
Địa chỉ: Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng					
Số thuê bao:		Mã số:			
Hình thức thanh toán: Tiền mặt		MST:			
STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Cước dịch vụ viễn thông tháng 11/2017				1.620.841
Cộng tiền dịch vụ:					1.620.841
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		162.084
Tổng tiền thanh toán:					1.782.925
Số tiền (bằng chữ): Một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng					
				Ngày 14 tháng 12 năm 2017	
Người nộp tiền			Nhân viên giao dịch		
(Ký, ghi rõ họ tên)			(Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Biểu 2.12: Phiếu chi số 17/12

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh		Mẫu số 02 – TT		
Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng		(Ban hành theo TT 200/2014- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
PHIẾU CHI				
Ngày 14 tháng 12 năm 2017				
Số: 17/12		Nợ TK 642: 1.620.841		
		Nợ TK 133: 162.084		
		Có TK 111: 1.782.925		
Họ và tên người nhận : Nguyễn Thị YẾN				
Địa chỉ : Công ty dịch vụ viễn thông VNPT Hải Phòng				
Lý do chi : Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông tháng 11/2017				
Số tiền : 1.782.925				
Bằng chữ : Một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng				
Kém theo : Chứng từ gốc				
Ngày 14 tháng 12 năm 2017				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Ví dụ 2: Ngày 16 tháng 12 năm 2017 Công ty thanh toán cước vận chuyển từ Hải Phòng đến Hưng Yên cho Công ty CP vận tải logistic Đức Nam bằng tiền mặt theo HĐ0000469, số tiền ghi trên hóa đơn là 9.075.000 (VAT10%).

Định khoản

Nợ TK 641 : 8.250.000

Nợ TK 133 : 825.000

Có TK 111 : 9.075.000

Căn cứ vào HĐ0000469 (Biểu 2.13) Công ty tiến hành lập phiếu chi 20/12 (Biểu 2.14). Dựa vào hóa đơn và phiếu chi Công ty tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.15)

Biểu 2.13: Hóa đơn GTGT 0000469

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/002		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: GT/17P		
Liên 2: Giao cho khách hàng			Số : 0000469		
Ngày 16 tháng 12 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty CP vận tải logistic Đức Nam					
Địa chỉ: P18 tầng 6 Tòa nhà Thành Đạt, Số 3 Lê Thánh Tông, Máy Tơ, Ngô Quyền, HP					
Số tài khoản:					
Điện thoại:			MST:		
Họ và tên người mua hàng: Vũ Văn Minh					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh					
Địa chỉ: Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			MST:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Cước vận chuyển Hải Phòng- Hưng Yên	Chuyến	01	8.250.000	8.250.000
Cộng tiền hàng:					8.250.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		825.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					9.075.000
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Giám đốc (Đã ký)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Biểu 2.14: Phiếu chi 20/12

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh		Mẫu số 02 – TT		
Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng		(Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
PHIẾU CHI				
Ngày 16 tháng 12 năm 2017				
Số: 20/12		Nợ TK 641: 8.250.000		
		Nợ TK 133: 825.000		
		Có TK 111: 9.075.000		
Họ và tên người nhận : Vũ Tiến Đạt				
Địa chỉ : Công ty CP vận tải logistic Đức Nam				
Lý do chi : Thanh toán tiền cước vận chuyển đi Hưng Yên				
Số tiền : 9.075.000				
Bằng chữ : Chín triệu không trăm bày mươi lăm nghìn đồng chẵn				
Kém theo : Chứng từ gốc				
Ngày 16 tháng 12 năm 2017				
Gián đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Biểu 2.15: Sổ Nhật ký chung

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng				Mẫu số S03a –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017						
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
14/12/17	HD 0000436	14/12/17	Thanh toán cước viễn thông	642	1.620.841	
				133	162.084	
				111		1.782.925
					
16/12/17	HD 0000469	16/12/17	Thanh toán cước vận chuyển	641	8.250.000	
				133	825.000	
				111		9.075.000
					
			Cộng phát sinh		248.030.142.139	248.030.142.139
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.15) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 641 (Biểu 2.16) và sổ cái TK 642 (Biểu 2.17)

Biểu 2.16: Sổ Cái TK 641

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh
Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo,
Hải Phòng

Mẫu số S03b –DN
(Ban hành theo TT 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Loại TK: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
16/12/17	HĐ 0000469	16/12/17	Thanh toán tiền cước vận chuyển	111	8.250.000	
					
31/12/17	PKT 13	31/12/17	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		4.501.786.129
			Cộng số phát sinh		4.501.786.129	4.501.786.129
			SDCK			

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Biểu 2.17: Sổ Cái TK 642

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh				Mẫu số S03b –DN		
Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo,				(Ban hành theo TT 200/2014-BTC		
Hải Phòng				ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
SỔ CÁI						
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017						
Loại TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp						
Số hiệu: 642						
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
12/12/17	HD 0000436	12/12/17	Thanh toán tiền cước viễn thông	111	1.620.841	
					
31/12/17	PKT 13	31/12/17	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		2.408.221.503
			Cộng số phát sinh		2.408.221.503	2.408.221.503
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)			Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

2.2.2. Kế toán doanh thu và chi phí khác trong Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh

Trong năm 2017 Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tài khoản 811 và 711

2.2.3. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo có, giấy báo nợ.
 - Phiếu thu, phiếu chi.
 - Các chứng từ khác có liên quan...
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.
 - Tài khoản 635- Chi phí hoạt động tài chính.
- ❖ Sổ sách kế toán
 - Sổ Nhật ký chung.
 - Sổ cái TK 515, 635.

❖ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty nhận được thông báo về số tiền lãi nhập gốc tháng 12 từ ngân hàng, số tiền là 1.601.000

Định khoản:

Nợ TK 112 : 1.601.000

Có TK 515: 1.601.000

Căn cứ vào giấy báo có (Biểu 2.18) kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.19)

Biểu 2.18: Giấy báo có ngân hàng Vietcombank



GIẤY BÁO CÓ

Mã GDV: TTT

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã KH:

Số GD: 0100112437

Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HIỀN HẠNH

Mã số thuế: :

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi có tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có:

Số tiền bằng số: 1.601.000

Số tiền bằng chữ: Một triệu sáu trăm linh một nghìn đồng chẵn

Nội dung: Trả lãi tiền gửi

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Biểu 2.19: Sổ Nhật ký chung

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng			Mẫu số S03a –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
NHẬT KÝ CHUNG						
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017						
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
					
14/12/17	HĐ 0000436	14/12/17	Thanh toán cước viễn thông	642	1.620.841	
				133	162.084	
				111		1.782.925
					
16/12/17	HĐ 0000469	16/12/17	Thanh toán cước vận chuyển	641	8.250.000	
				133	825.000	
				111		9.075.000
					
31/12/17	GBC 0100112437	31/12/17	Lãi nhập gốc	112	1.601.000	
				515		1.601.000
					
			Cộng phát sinh		248.030.142.139	248.030.142.139
Người ghi số		Kế toán trưởng		Giám đốc		
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.19) kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 515 (Biểu 2.20)

Biểu 2.20: Sổ cái TK 515

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng					Mẫu số S03b -DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)	
SỔ CÁI Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Loại TK: Doanh thu hoạt động tài chính Số hiệu: 515						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
					
31/12/17	GBC 0100112437	31/12/17	Lãi nhập gốc	112	1.601.000	
31/12/17	PKT 14	31/12/17	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911		8.316.847
			Cộng số phát sinh		8.316.847	8.316.847
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Phiếu kế toán.
 - Các chứng từ khác có liên quan.
 - ❖ Tài khoản sử dụng
 - Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.
 - Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - Tài khoản 421- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
 - ❖ Sổ sách kế toán
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ cái TK 911
 - Sổ cái TK 821
 - Sổ cái TK 421
- Ví dụ minh họa:
- Ngày 31/12/17 Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển cuối năm 2017.

Biểu 2.21: Phiếu kế toán số 13

Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Số: 13				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	22.489.391.322
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	4.501.786.129
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	2.408.221.503
	Cộng			29.399.398.954
Người lập			Kế toán trưởng	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Biểu 2.22: Phiếu kế toán số 14

Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Số: 14				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	29.720.425.716
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	8.316.847
	Cộng			29.728.742.563
Người lập			Kế toán trưởng	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 15

Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Số: 15				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017	821	3334	65.868.722
	Cộng			65.868.722
Người lập			Kế toán trưởng	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Biểu số 2.2: Phiếu kế toán số 16

Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Số: 16				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017	911	821	65.868.722
	Cộng			65.868.722
Người lập		Kế toán trưởng		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Biểu 2.2: Phiếu kế toán số 17

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Số: 17				
STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	263.474.887
	Cộng			263.474.887
Người lập		Kế toán trưởng		

Biểu 2.27: Sổ Nhật ký chung

Ngày tháng ghi sổ		Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
		Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
						
31/12/17	PKT14	31/12/17	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511	29.720.425.716		
				515	8.316.847		
				911			29.728.742.563
31/12/16	PKT13	31/12/16	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	29.399.398.954		
				632			22.489.391.322
				641			4.501.786.129
				642			2.408.221.503
31/12/17	PKT15	31/12/17	Chi phí thuế TNDN năm 2017	821	65.868.722		
				3334			65.868.722
31/12/17	PKT 16	31/12/17	Kết chuyển thuế TNDN năm 2017	911	65.868.722		
				821			65.868.722
31/12/17	PKT 17	31/12/17	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	263.474.887		
				421			263.474.887
			Cộng phát sinh		248.030.142.139	248.030.142.139	
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)			

Biểu 2.28: Sổ cái TK 911

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Dục, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng			Mẫu số S03b –DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)			
SỔ CÁI Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 Loại TK: Xác định kết quả kinh doanh Số hiệu: 911						
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
31/12/17	PKT 14	31/12/17	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		29.720.425.716
31/12/17	PKT 14	31/12/17	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	515		8.316.847
31/12/17	PKT 13	31/12/17	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	22.489.391.322	
31/12/17	PKT13	31/12/17	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	4.501.786.129	
31/12/17	PKT 13	31/12/17	Kết chuyển CPQLKD	642	2.408.221.503	
31/12/17	PKT 16	31/12/17	Kết chuyển thuế TNDN	821	65.868.722	
31/12/17	PKT 17	31/12/17	Kết chuyển lãi	421	263.474.887	
			Cộng số phát sinh		29.728.742.563	29.728.742.563
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

Biểu 2.29: Sổ cái TK 821

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng				Mẫu số S03b- DN (Ban hành theo TT 200/2014- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
SỔ CÁI						
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017						
Loại TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						
Số hiệu: 821						
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			
31/12/17	PKT 15	31/12/17	Chi phí thuế TNDN năm 2017	3334	65.868.722	
31/12/17	PKT 16	31/12/17	Kết chuyển thuế TNDN năm 2017	911		65.868.722
			Cộng số phát sinh		65.868.722	65.868.722
			SDC K			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)			Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Biểu 2.38: Sổ cái TK 421

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng				Mẫu số S03b- DN (Ban hành theo TT 200/2014- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
SỔ CÁI						
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017						
Loại TK: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối						
Số hiệu: 421						
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK			302.449.696
31/12/17	PKT 17	31/12/17	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	911		263.474.887
			Cộng số phát sinh			565.924.583
			SDCK			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)			Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

Biểu 2.36: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng			Mẫu số B02 -DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH					
Năm 2017					
STT	Chi tiêu	Mã	Mã thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		29.720.425.716	28.953.296.174
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		29.720.425.716	28.953.296.174
4	Giá vốn hàng bán	11		22.489.391.322	21.988.716.911
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.231.034.394	6.964.579.263
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		8.316.847	7.459.369
7	Chi phí tài chính	22			
	- Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí bán hàng	25		4.501.786.129	4.398.385.792
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.408.221.503	2.195.590.719
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26)	30		329.343.609	378.062.121
11	Thu nhập khác	31			
12	Chi phí khác	32			
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		329.343.609	378.062.121
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		65.868.722	75.612.424
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		263.474.887	302.449.696
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			
Người lập (Đã ký)			Kế toán trưởng (Đã ký)		Lập ngày 20 tháng 03 năm 2018 Giám đốc (Đã ký)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP phát triển thương mại Hiền Hạnh)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HIỀN HẠNH

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty cổ phần phát triển thương mại hiền hạnh

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về công tác quản lý:

- Đội ngũ cán bộ, công nhân của công ty làm việc chăm chỉ, năng động, siêng năng học hỏi.

- Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty dễ dàng hoạt động và quản lý.

❖ Về công tác kế toán:

- Bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ, phân công công việc rõ ràng, mỗi người phụ trách một mảng riêng đảm bảo công việc nhưng vẫn phối hợp rất ăn ý và chặt chẽ.

- Các kế toán thường xuyên kiểm tra đối chiếu sổ sách, số liệu để kịp thời theo dõi các hoạt động của công ty.

❖ Về hệ thống chứng từ sổ sách:

- Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung đây là hình thức kế toán phổ biến và đơn giản trong việc quản lý, phù hợp với quy mô của công ty.

- Phương pháp hạch toán hành tồn kho: Là phương pháp kê khai thường xuyên giúp kế toán dễ dàng quản lý tình hình nhập- xuất- tồn kho.

❖ Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí phát sinh được ghi chép kịp thời, tỉ mỉ, cẩn thận, đầy đủ.

- Các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu được ghi nhận đảm bảo các quy định của chế độ kế toán về điều kiện ghi nhận doanh thu.

3.1.2. Hạn chế

Công ty chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán giúp cho việc xử lý số liệu, lưu trữ số liệu vẫn còn hạn chế.

Công ty không hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí nhằm theo dõi doanh thu, chi phí và lợi nhuận của từng mặt hàng.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, các nhà quản trị công ty cần sử dụng các thông tin do kế toán cung cấp. Thông tin kế toán là nguồn tài nguyên quan trọng nhất. Nó làm cơ sở cho quá trình ra quyết định phân phối, điều hòa nguồn nhân lực, trợ giúp công ty trong mục đích kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Vì vậy việc nâng cao công tác quản lý, cung cấp thông tin kịp thời, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty cổ phần phát triển thương mại hiện hành là rất quan trọng.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để bộ máy kế toán hoàn thiện hơn thì cần phải đảm bảo những tiêu chí sau:

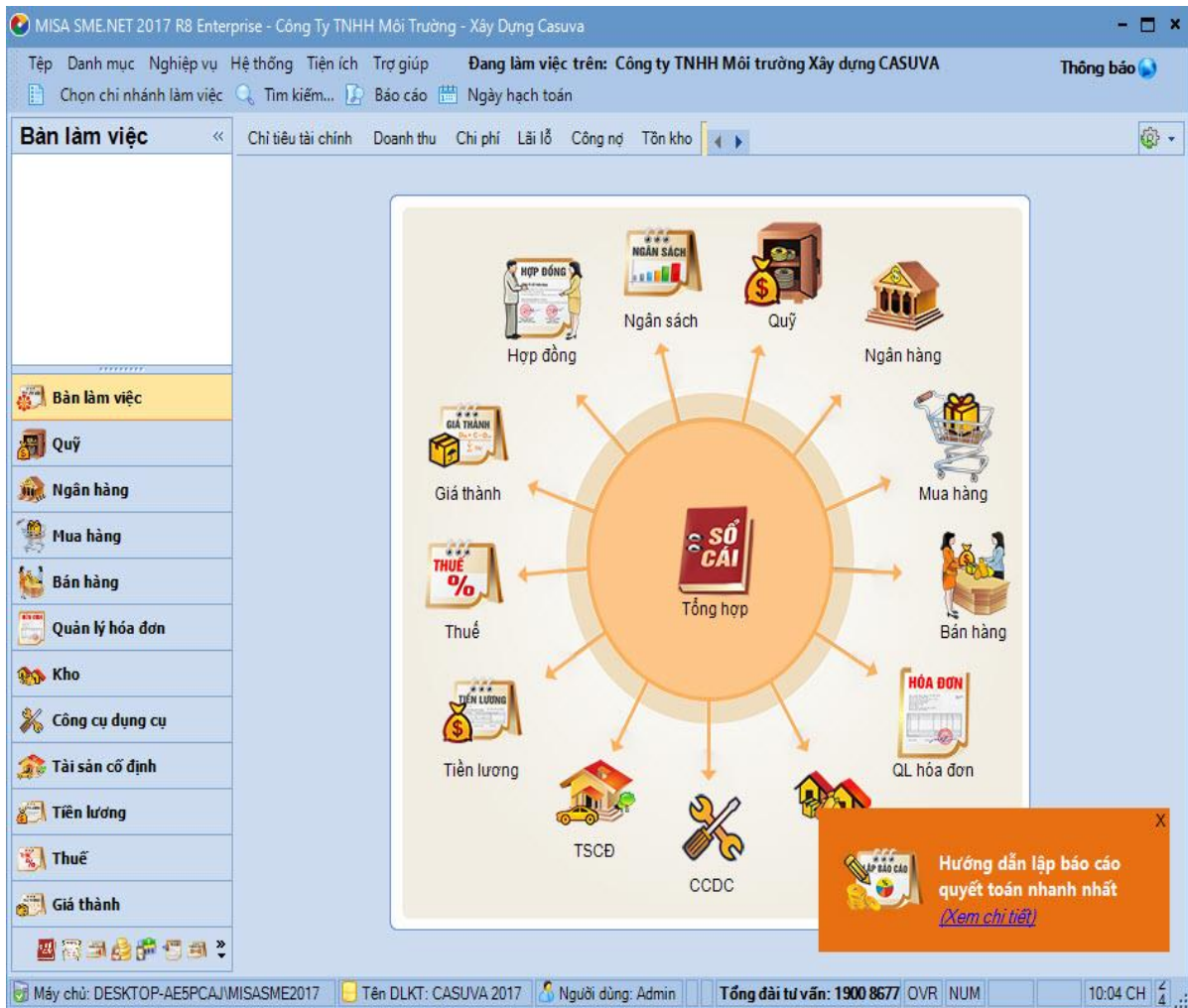
- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc hay dập khuôn theo chế độ nhưng phải trong khuôn khổ.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

3.4. Nội dung hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần phát triển thương mại Hiện Hạnh

3.4.1. Kiến nghị 1: Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

- Lý do kiến nghị: Hiện tại công ty cổ phần phát triển thương mại Hiện Hạnh vẫn đang sử dụng Excel trong công tác kế toán. Nhưng ứng dụng Excel làm cho công ty tốn rất nhiều thời gian cũng như nhân lực mà đem lại hiệu quả không triệt để.

- Mục tiêu giải pháp: Cải thiện công tác quản lý, thu thập, xử lý số liệu của phòng kế toán. Tiết kiệm thời gian cũng như khối lượng công việc cho các nhân viên kế toán.
- Cách thức tiến hành giải pháp: Mua phần mềm kế toán chuyên nghiệp. Trên thị trường có rất nhiều phần mềm phục vụ cho công tác kế toán: Misa, Vacom, Fast,...
- Giao diện phần mềm MISA SME.NET 2017



Hình 3.1: Giao diện phần mềm MISA SME.NET 2017

- Bảng giá phần mềm MISA SME.NET 2017

Bảng 3.1: Bảng báo giá phần mềm MISA SME.NET 2017

STT	Gói dịch vụ	ĐVT	Đơn giá	Mô tả
1	Express	Gói	Miễn phí	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017- đầy đủ 16 phân hệ. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/ năm.
2	Starter	Gói	2.950.000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017- 11 phân hệ. Số lượng chứng từ được nhập tối đa là 1.000 chứng từ/ năm.
3	Standard	Gói	6.950.000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017- 11 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
4	Professional	Gói	9.950.000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017-13 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
5	Enterprise	Gói	12.950.000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017- đầy đủ 16 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

(Theo thông tin đơn vị cung cấp: Công ty cổ phần Misa)

- Hiệu quả của giải pháp: Khi sử dụng phần mềm kế toán việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm được thời gian, chi phí, sức lao động và nâng cao hiệu quả công việc. Các dữ liệu được bảo quản thuận lợi, an toàn và chuyên nghiệp hơn.

3.4.2. Kiến nghị 2: Mở sổ kế toán chi tiết doanh thu, chi phí phục vụ xác định kết quả kinh doanh theo từng mặt hàng

- Lý do kiến nghị: công ty cổ phần phát triển thương mại hiện hành chưa mở sổ chi tiết doanh thu, chi phí cho từng mặt hàng.

- Mục tiêu của giải pháp: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý được cụ thể, chi tiết đến từng mặt hàng hoặc nhóm mặt hàng và theo dõi doanh thu, giá vốn, thuận lợi gộp chi tiết theo từng mặt hàng.

- Cách thức tiến hành giải pháp: Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng (Biểu 3.1) và sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu 3.2)

Biểu 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng					Mẫu số: S35 – DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)					
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản):..... Tháng..... Năm.....										
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ		
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	
			Cộng số phát sinh							
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)					Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)			Ngày... tháng... năm... Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

Mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 632 (Biểu 3.2) tạo điều kiện cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở sổ chi tiết bán hàng.

Biểu 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng					Mẫu số: S36 – DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH Tài khoản:..... Tên sản phẩm, dịch vụ:.....							
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ tài khoản		
	SH	NT			Tổng tiền	Chia ra	
					
A	B	C	D	E			
			- Cộng số phát sinh trong kỳ				
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)					Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Ngày... tháng... năm... Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)

Ví dụ minh họa: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000319 (Biểu 2.1) ngày 03/12/2017 xuất bán 12.500 lít dầu Diesel cho Công ty TNHH Thương Mại Đoàn Xuân, kế toán ghi vào sổ chi tiết 511 (Biểu 3.3) và căn cứ vào phiếu xuất kho (Biểu 2.9) kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết tài khoản 632 (Biểu 3.4)\

Biểu 3.3: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng					Mẫu số: S35 – DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)					
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản): Dầu Diesel Tháng 12 Năm 2017										
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ		
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	
									
03/12/17	HD 0000319	03/12/17	Bán Dầu Diesel	112	12.500	15.160	189.500.000			
									
			Cộng số phát sinh				1.502.088.664			
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)					Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)			Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

Biểu 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty Cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh Thôn Tứ Duy, xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng					Mẫu số: S36 – DN (Ban hành theo TT 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)		
SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH							
Tên sản phẩm: Dầu Diesel							
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ tài khoản		
	SH	NT			Tổng tiền	Chia ra	
						Giá vốn xuất kho	Chi phí thu mua phân bổ
A	B	C	D	E			
						
03/12/17	PXK 01/12	03/12/17	Dầu Diesel	156	14.900	186.250.000	
						
			Cộng phát sinh			1.017.496.000	
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)			Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

- Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp: Nếu công ty mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, chi phí bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc theo dõi doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp của từng mặt hàng đó và đưa ra những quyết định đúng đắn: thu hẹp hay mở rộng lĩnh vực kinh doanh mặt hàng nào của công ty.

3.4.3. Kiến nghị 3: Chiết khấu thanh toán

Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán. Việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp cho chi nhánh công ty khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài.

- Phương pháp xác định: Mức chiết khấu thanh toán có thể được xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của Ngân hàng. Khoản chiết khấu thanh toán sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu thanh toán này được hạch toán vào TK635 – Chi phí hoạt động tài chính.

-Phương pháp hạch toán:

+ Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK635: Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111, 112,131,...

+ Cuối kỳ kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK911

Nợ TK911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK635: Chi phí hoạt động tài chính

Ví dụ: Ngày 12/12/17, Công ty xuất bán dầu diesel bán cho Công ty TNHH Vận tải Gia Bảo Linh với tổng giá thanh toán là 110.000.000. Công ty TNHH Vận tải Gia Bảo Linh đã thanh toán bằng chuyển khoản. do khách hàng thanh toán sớm nên được chiết khấu thanh toán 1% , công ty đã chi trả khoản chiết khấu thanh toán bằng chuyển khoản

Nợ TK635: 1.100.000

Có TK 112 :1.100.000

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.

3.5.1. Về phía Nhà nước

- Có chính sách hỗ trợ để khuyến khích các doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.
- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

- Ban lãnh đạo doanh nghiệp cần kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp.
- Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ cho công tác kế toán.
- Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành và giữa các phần với nhau trong việc sử dụng chứng từ, luân chuyển chứng từ, cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.
- Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ bền vững với khách hàng. Đây là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh em đã vận dụng kiến thức được học ở trường vào thực tế sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh.

Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh như sau:

- Kiến nghị về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Kiến nghị về việc sử dụng phần mềm kế toán.
- Kiến nghị về chiết khấu thanh toán

Với sự cố gắng của bản thân cùng sự hướng dẫn của cô Trần Thị Thanh Thảo, và sự chỉ bảo, giúp đỡ nhiệt tình của các chị phòng kế toán – tài chính công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh để em hoàn thành đề tài tốt nghiệp này. Mặc dù đã có cố gắng nhưng do trải nghiệm thực tế và kiến thức chuyên môn còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy em mong rằng sẽ nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ từ các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh để đề tài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô Trần Thị Thanh Thảo và Phòng kế toán công ty cổ phần phát triển thương mại Hiền Hạnh đã giúp đỡ hoàn thành bài khóa luận này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)- Hệ thống tài khoản kế toán*, NXB Giao thông vận tải.
2. Bộ Tài Chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)- Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán*, NXB Giao thông vận tải.
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động và xã hội.